

Số: **00 3 8** /QĐ/MTB-HĐQT

Hà Nội, ngày **30** tháng 5 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH**

**về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026  
của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí.**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Nghị quyết số 0037/NQ/MTB-HĐQT ngày 30/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (PVMACHINO):

- Thời gian: 08h00' ngày 22/6/2026 (Thứ hai)

- Địa điểm: Số 8 Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Cổ đông sở hữu chứng khoán PVM có quyền tham dự cuộc họp theo danh sách chốt cổ đông vào ngày 26/5/2026 của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) hoặc những người được ủy quyền hợp lệ.

- Nội dung trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026:

1. Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên 2026;
2. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026;
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026;
4. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026;
5. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025;
6. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025;
7. Tờ trình quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2026;
8. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026;

9. Tờ trình sửa đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

10. Tờ trình niêm yết cổ phiếu PVM trên Sở giao dịch chứng khoán.

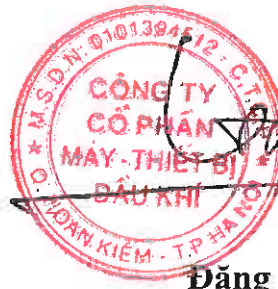
*(Chi tiết nội dung tài liệu đính kèm)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban tổ chức Đại hội, Trưởng các ban chức năng Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 2;
- TV HĐQT, BKS;
- Các Phó TGĐ;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Thân**



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101394512 do sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/3/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06/6/2022.

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

### THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (PVMACHINO) trân trọng kính mời Quý cổ đông đến dự: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

1. **Thời gian:** 08h00' ngày 22 tháng 6 năm 2026.
2. **Địa điểm:** Số 8 Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.
3. **Chương trình họp:** Gửi kèm thông báo này.
4. **Điều kiện tham dự Đại hội:** Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của PVMACHINO theo danh sách chốt cổ đông ngày 26/5/2026 hoặc người được ủy quyền hợp lệ.
5. **Xác nhận tham dự Đại hội:** Đề nghị Quý cổ đông xác nhận tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội gửi về PVMACHINO trước 17h00' ngày 17/6/2026.
6. **Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội mang theo các giấy tờ sau:**
  - Thư mời họp;
  - Giấy CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/Giấy CN ĐKDN;
  - Giấy xác nhận/Ủy quyền tham dự.
7. **Các tài liệu liên quan đến Đại hội** được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: <https://pvmachino.vn>
8. **Mọi chi tiết liên quan đến Đại hội, Quý cổ đông xin liên hệ:**
  - Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí: Số 8 Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.
  - Người tiếp nhận: Ông Trương Việt Nghĩa - Thư ký HĐQT.
  - Số điện thoại di động: 0818.257.257.
  - Số điện thoại: 024.38260344 Fax: 024.38254050

Mọi chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí khác do Cổ đông tự chi trả.

Trân trọng kính mời./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Đặng Văn Thân



# CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian: Từ 08h00p ngày 22/06/2026

Địa điểm: Số 181 Tráng Thi, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

THỜI GIAN	NỘI DUNG LÀM VIỆC
08h00-08h30	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đón tiếp đại biểu, cổ đông.</li> <li>- Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách các cổ đông có mặt.</li> <li>- Phát tài liệu và Thẻ biểu quyết.</li> </ul>
08h30-08h35	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ổn định tổ chức Đại hội.</li> <li>- Tuyên bố lý do, khai mạc và giới thiệu thành phần tham dự.</li> </ul>
08h35-08h40	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
08h40-08h45	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu thành phần Đoàn Chủ tịch và lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội.</li> <li>- Đoàn Chủ tịch giới thiệu thành phần Thư ký Đại hội.</li> <li>- Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu và lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội.</li> </ul>
08h45-08h50	- Thông qua Chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội và lấy ý kiến biểu quyết thông qua.
08h50-09h40	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.</li> <li>- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026.</li> <li>- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.</li> <li>- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.</li> <li>- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.</li> <li>- Tờ trình quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026.</li> <li>- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.</li> <li>- Tờ trình sửa đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.</li> <li>- Tờ trình về việc niêm yết cổ phiếu PVM trên Sở giao dịch chứng khoán</li> </ul>
09h40-10h00	- Đại hội thảo luận các nội dung, phát biểu ý kiến
10h00-10h30	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biểu quyết về các nội dung tại đại hội:</li> <li>+ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.</li> <li>+ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026.</li> <li>+ Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.</li> <li>+ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.</li> <li>+ Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.</li> <li>+ Tờ trình Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026.</li> <li>+ Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.</li> <li>+ Tờ trình sửa đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.</li> <li>+ Tờ trình về việc niêm yết cổ phiếu PVM trên Sở giao dịch chứng khoán</li> </ul>
10h30-10h45	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.</li> <li>- Bế mạc.</li> </ul>

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**GIẤY XÁC NHẬN/ỦY QUYỀN  
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Tên cá nhân/tổ chức: .....

Mã số cổ đông: .....

Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/Giấy chứng nhận ĐKDN:.....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Tổng số cổ phần sở hữu: .....cổ phần

(bằng chữ: .....)

Nay xác nhận:

☐ Đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

☐ Không tham dự Đại hội và ủy quyền cho:

Ông/Bà: ..... (Chức vụ tại tổ chức (nếu có):.....)

Số CCCD/CC/HC:.....ngày cấp:.....nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí và thực hiện quyền và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông tương ứng với số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền này./.

**Người được ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người ủy quyền (hoặc đăng ký dự)**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

**QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020;  
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019;  
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí;  
Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí.

**CHƯƠNG I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

- Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí.
- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia cuộc họp, điều kiện, thể thức tiến hành cuộc họp.

**CHƯƠNG II  
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

**Điều 2. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông**

**1. Điều kiện tham dự Đại hội**

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 26/5/2026) và người đại diện theo ủy quyền hợp lệ có mặt tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

**2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội**

a) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu (đối với cổ đông là cá nhân), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với cổ đông là tổ chức);

- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự cuộc họp).
- b) Đăng ký tham dự họp: Cổ đông hoặc người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp và nhận tài liệu Đại hội, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết.
- c) Được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự phiên họp không được ủy quyền cho người khác tham dự phiên họp.
- d) Cổ đông tham dự phiên họp khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Đoàn chủ tịch, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình cuộc họp đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham gia dự họp cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi, chuyển cho Ban thư ký.
- e) Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí.
- f) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.
- g) Trong thời gian tiến hành cuộc họp, các cổ đông phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
- h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

### **Điều 3. Đoàn chủ tịch.**

1. Đoàn chủ tịch bao gồm chủ tọa và các thành viên khác của đoàn chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Các thành viên khác của Đoàn chủ tịch do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội bằng phiếu biểu quyết.

2. Quyền hạn và nhiệm vụ của chủ tọa:

- a) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

b) Điều hành các hoạt động của cuộc họp theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách trật tự; đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

c) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

d) Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

e) Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

f) Các quyền khác quy định tại các khoản 4, 7 và khoản 8 Điều 20 Điều lệ Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí.

#### **Điều 4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự họp**

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông do Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí quyết định thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp; Phát tài liệu đại hội và Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết; Báo cáo trước cuộc họp và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp trước khi cuộc họp chính thức được tiến hành.

#### **Điều 5. Ban thư ký Đại hội**

1. Chủ tọa cử Ban thư ký đại hội.

2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung tại Đại hội.

b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c) Tiếp nhận phiếu hỏi ý kiến của cổ đông.

#### **Điều 6. Ban Kiểm phiếu**

1. Ban Kiểm phiếu gồm 03 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn và thông qua tại Đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự họp;

b) Chuẩn bị hòm phiếu, hướng dẫn ghi phiếu;

c) Tiến hành thu phiếu, kiểm phiếu và báo cáo kết quả trước Đại hội.

d) Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban thư ký;

### CHƯƠNG III

#### TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

##### **Điều 7. Điều kiện tiến hành phiên họp**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

##### **Điều 8. Biểu quyết tại phiên họp**

###### **1. Nguyên tắc biểu quyết:**

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện (trừ việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo Quy chế bầu riêng).

Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ Biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí ở góc trái phía trên. Trong mỗi Phiếu biểu quyết sẽ ghi các nội dung cần biểu quyết.

###### **2. Thẻ lệ biểu quyết:**

a) **Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết:** Được thực hiện đối với các nội dung: Thông qua chương trình họp; Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội; Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu; Thông qua Biên bản đại hội; và các vấn đề khác được Chủ tọa đề nghị. Các cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến: tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến); những cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết được xem như không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

b) **Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết:** Phiếu biểu quyết được sử dụng khi các cổ đông biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội ngoài các nội dung đã được Đại hội biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết. Cổ đông thực hiện biểu quyết như sau:

– Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để **tán thành**, hoặc **không tán thành**, hoặc **không có ý kiến** một vấn đề bằng cách cổ đông đánh dấu “X” vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết theo trình tự: “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến”. Sau khi biểu quyết hết các nội dung, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền biểu quyết ký, ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu, Ban kiểm phiếu thu hồi Phiếu biểu quyết của cổ đông để thống kê kết quả.

c) Trường hợp thay đổi ý kiến, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền ký nháy bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

d) Phiếu biểu quyết không hợp lệ là các phiếu:

- Phiếu biểu quyết không do Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí phát hành và không có dấu của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí.
- Phiếu sửa chữa, gạch xóa hoặc điền vào nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến mà không có chữ ký nháy của cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng.
- Phiếu không có đầy đủ chữ ký và họ tên của Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền.

e) Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

### 3. Thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

3.1 Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

3.2 Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3.1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3.3 Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp

### **Điều 9. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Công ty.



### **Điều 10. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 trên cơ sở Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông năm 2026 đã được Đại hội thông qua.

## **CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 11.** Quy chế này gồm có 4 Chương, 11 Điều được thông qua tại Đại hội cổ đông là cơ sở để Đại hội đồng cổ đông tiến hành Đại hội.

**Nơi nhân:**

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Thân**



Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026.**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

**I. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025.**

**1. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị (HĐQT)**

Hội đồng quản trị Công ty hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan nhằm thực hiện các quyền, nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao.

Ngày 24/4/2025, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã thông qua kết quả bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025–2030. Hội đồng quản trị đã tổ chức họp và thống nhất bầu ông Đặng Văn Thân tiếp tục giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị Công ty hiện tại gồm 05 thành viên:

- |                            |                                |
|----------------------------|--------------------------------|
| - Ông Đặng Văn Thân        | Chủ tịch HĐQT                  |
| - Ông Phạm Văn Hiệp        | Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc |
| - Ông Nguyễn Minh Tuấn     | Thành viên HĐQT                |
| - Ông Vương Hoàng Thăng    | Thành viên HĐQT                |
| - Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh | Thành viên độc lập HĐQT        |

**2. Công tác chỉ đạo, giám sát**

Hội đồng quản trị đã thực hiện vai trò chỉ đạo, giám sát hoạt động điều hành theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty; đảm bảo hoạt động của Công ty được triển khai đúng định hướng, minh bạch và phù hợp với lợi ích của cổ đông.

**2.1. Công tác chỉ đạo chiến lược**

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo và định hướng triển khai các nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Công ty, cụ thể:

- Chỉ đạo rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và định biên lao động phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong từng giai đoạn.

- Tiếp tục duy trì và phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi; đồng thời mở rộng hoạt động đầu tư, thương mại sang các lĩnh vực như bất động sản, đầu tư dự án, kinh doanh nông sản và các mặt hàng nguyên liệu phục vụ sản xuất công nghiệp phù hợp với định hướng phát triển của Công ty và nhu cầu thị trường.
- Đẩy mạnh phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác, nhà cung cấp nhằm đảm bảo nguồn hàng ổn định, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Chỉ đạo công tác quản lý tài chính, cân đối nguồn vốn, đảm bảo dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư; tăng cường kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

## **2.2. Công tác giám sát hoạt động**

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành nhằm đảm bảo việc triển khai thực hiện đúng định hướng, kế hoạch và mục tiêu đã đề ra, tập trung vào các nội dung sau:

- Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ thông qua các báo cáo và các cuộc họp với Ban điều hành.
- Giám sát công tác xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Công ty.
- Giám sát hoạt động tài chính, quản trị rủi ro và cơ cấu đầu tư; phối hợp với Ban kiểm soát trong việc kiểm tra, đánh giá và đề xuất các biện pháp xử lý, khắc phục các tồn tại (nếu có).

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp và thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản; ban hành tổng số 30 Nghị quyết, Quyết định để triển khai thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

## **3. Đánh giá của HĐQT đối với hoạt động kinh doanh**

Năm 2025, hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong bối cảnh kinh tế thế giới diễn biến phức tạp và khó lường. Xu hướng gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại trên toàn cầu, đặc biệt là việc Hoa Kỳ tăng cường áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại và điều chỉnh chính sách thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu, đã tạo áp lực đáng kể lên thương mại quốc tế và chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong bối cảnh Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam, những biến động này đã tác động đến hoạt động xuất khẩu, qua đó ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dòng tiền và kế hoạch đầu tư của nhiều doanh nghiệp trong nước.

Trong nước, mặc dù kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định, quá trình rà soát, sắp xếp và điều chỉnh đơn vị hành chính tại một số địa phương cũng đặt ra yêu cầu cập nhật, đồng bộ công tác quản lý, quy hoạch và hệ thống văn bản liên quan. Những thay đổi

này đã ảnh hưởng nhất định đến môi trường đầu tư, đặc biệt đối với các lĩnh vực phụ thuộc nhiều vào quy hoạch và thủ tục pháp lý như bất động sản.

Trong bối cảnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cơ bản được duy trì ổn định. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty mẹ hoàn thành kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, Công ty con – Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng chưa hoàn thành kế hoạch do hoạt động kinh doanh xe ô tô Mitsubishi gặp nhiều khó khăn khi thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt; đồng thời chịu tác động từ xu hướng chuyển dịch sang xe điện và các chính sách khuyến khích phát triển phương tiện sử dụng năng lượng sạch của Chính phủ.

Cụ thể, tổng doanh thu hợp nhất năm 2025 đạt 1.990,65 tỷ đồng, đạt 97% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 33,73 tỷ đồng, đạt 81% kế hoạch năm; lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 33,62 tỷ đồng, đạt 83% kế hoạch năm.

- **Lĩnh vực kinh doanh thương mại:** Công ty tiếp tục tập trung kinh doanh các mặt hàng nông sản, thức ăn chăn nuôi tại thị trường nội địa và tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sang một số thị trường nước ngoài. Đồng thời, Công ty mở rộng hoạt động nhập khẩu quặng sắt từ thị trường Campuchia và Lào để cung cấp cho các nhà máy sản xuất thép trong nước; tham gia cung cấp nguyên liệu đầu vào cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp và xây dựng.
- **Lĩnh vực đầu tư dự án:** Trong năm 2025, Công ty tiếp tục tập trung nguồn lực đẩy nhanh công tác hoàn thiện thủ tục pháp lý và triển khai đầu tư các dự án bất động sản theo kế hoạch. Việc rà soát, sắp xếp và điều chỉnh đơn vị hành chính tại một số địa phương đã làm phát sinh yêu cầu cập nhật hồ sơ, quy hoạch và các thủ tục liên quan, qua đó ảnh hưởng nhất định đến tiến độ triển khai dự án trong giai đoạn vừa qua.

Đối với các dự án đang triển khai, dự án nhà ở xã hội tại tỉnh Hưng Yên đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và giao đất trong năm 2025. Hiện Công ty đang tập trung triển khai thi công hạ tầng và các hạng mục theo kế hoạch, hướng tới đưa sản phẩm ra thị trường trong năm 2026.

Đồng thời, dự án nhà ở thương mại tại tỉnh Hưng Yên đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính và được bàn giao đất. Công ty hiện đang đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thiện hạ tầng và các thủ tục liên quan nhằm triển khai kinh doanh dự án trong năm 2026.

Bên cạnh các dự án nêu trên, Công ty tiếp tục rà soát, thúc đẩy hoàn thiện thủ tục đầu tư đối với một số dự án khác; đồng thời chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng để từng bước tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm đảm bảo tiến độ triển khai trong thời gian tới.

- **Công ty cổ phần Machino Thành Đạt (Công ty con):** Đơn vị hiện vận hành 02 nhà máy xử lý rác theo công nghệ không chôn lấp tại tỉnh Hưng Yên và tỉnh Bắc Ninh. Trong năm 2025, do ảnh hưởng của việc sắp xếp đơn vị hành chính tại một số địa phương nên hoạt động thu gom rác có thời điểm bị gián đoạn để

phục vụ công tác chuyển tiếp, sắp xếp. Mặc dù vậy, các nhà máy vẫn duy trì hoạt động ổn định, vận hành hết công suất và đáp ứng khối lượng rác thu gom hàng ngày. Đơn vị đã hoàn thành kế hoạch lợi nhuận được giao. Trong thời gian tới, đơn vị tiếp tục nghiên cứu, cải tiến công nghệ theo hướng năng lượng xanh và mở rộng đầu tư các dự án xử lý rác tại các địa phương khác.

#### **4. Thù lao, phụ cấp của Hội đồng quản trị đã thực hiện năm 2025**

Thù lao, phụ cấp đã chi cho HĐQT là 1.588.000.000 đồng theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2025.

**5. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty, công ty con của Công ty với thành viên Hội đồng quản trị hoặc những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị. Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.**

Không có.

#### **6. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị năm 2025**

Năm 2025, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025–2030. Theo đó, các thành viên Hội đồng quản trị tiếp tục được cổ đông tín nhiệm bầu lại tham gia nhiệm kỳ mới; bà Tổng Thị Diệp thôi tham gia Hội đồng quản trị và bà Nguyễn Thị Hoài Thanh được bầu làm Thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày 24/4/2025.

Bên cạnh trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cho từng thành viên tại Quyết định số 0042/QĐ/MTB-HĐQT ngày 13/5/2025. Trong năm 2025, các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

##### **- Ông Đặng Văn Thân – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Đặng Văn Thân đã chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao; thường xuyên chỉ đạo, theo dõi sát sao tình hình hoạt động của Công ty, kịp thời đưa ra các định hướng, quyết sách phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, ông đã chỉ đạo triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, đúng định hướng và đảm bảo lợi ích của cổ đông.

##### **- Ông Phạm Văn Hiệp - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc**

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Phạm Văn Hiệp đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và tích cực đóng góp ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Với vai trò Tổng giám đốc, ông đã tổ chức triển khai kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính, cân đối nguồn

vốn và triển khai các hoạt động đầu tư theo kế hoạch; cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.

**- Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị**

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Nguyễn Minh Tuấn đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao. Ông đã tích cực tham gia công tác quản trị Công ty; tham mưu, đề xuất các giải pháp liên quan đến công tác tổ chức quản lý, xây dựng quy chế nội bộ và định hướng phát triển hoạt động của Công ty; góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản trị và đảm bảo hoạt động của Công ty theo đúng định hướng chiến lược đã đề ra.

**- Ông Vương Hoàng Thăng - Thành viên Hội đồng quản trị**

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Vương Hoàng Thăng đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và tích cực đóng góp ý kiến đối với các nội dung thuộc lĩnh vực đầu tư, xây dựng và phát triển dự án. Với kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản, ông đã hỗ trợ Công ty trong việc nghiên cứu cơ hội hợp tác đầu tư, kết nối đối tác và tham gia ý kiến đối với các dự án Công ty đang triển khai; góp phần hỗ trợ hoạt động đầu tư và phát triển của Công ty.

**- Bà Tống Thị Diệp – Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm từ ngày 24/4/2025)**

Trong thời gian đảm nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị, bà Tống Thị Diệp đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có nhiều ý kiến đóng góp đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, đặc biệt trong lĩnh vực quản trị tài chính, quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Công ty. Bà cũng đã tham gia xem xét, cho ý kiến đối với các phương án huy động vốn, đầu tư và hoạt động thương mại của Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh.

**- Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (Bầu từ ngày 24/4/2025)**

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, bà Nguyễn Thị Hoài Thanh đã tích cực tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị, tham dự đầy đủ các cuộc họp và có ý kiến độc lập, khách quan đối với các vấn đề quan trọng của Công ty. Với vai trò Thành viên độc lập Hội đồng quản trị, bà đã tham gia đóng góp ý kiến đối với công tác quản trị, kiểm soát rủi ro, minh bạch hoạt động và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông; góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và chất lượng quản trị Công ty.

## **II. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026.**

### **1. Kế hoạch kinh doanh năm 2026.**

Kế hoạch năm 2026 được xây dựng trên cơ sở thận trọng, phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh thương mại và tiến độ triển khai các dự án đầu tư của Công ty đang thực hiện.

TT	Nội dung	Đơn vị	KH 2026
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.381,94
	Trong đó Công ty mẹ	Nt	1.224,7
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	64,97
	Trong đó Công ty mẹ	Nt	40,26
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	60,23
	Trong đó Công ty mẹ	Nt	40,26

## 2. Phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Trong năm 2026, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, kiểm soát rủi ro và đảm bảo thực hiện các mục tiêu kế hoạch đã đề ra; tập trung vào các nội dung trọng tâm sau:

- **Định hướng và giám sát chiến lược kinh doanh:** Chỉ đạo triển khai hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026; chủ động điều chỉnh hoạt động phù hợp với diễn biến thị trường; đồng thời tăng cường công tác quản lý, giám sát người đại diện phần vốn của Công ty tại các đơn vị thành viên.
- **Quản lý tài chính và kiểm soát rủi ro:** Đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư; kiểm soát dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; tăng cường quản trị công nợ và chủ động kiểm soát các rủi ro từ thị trường, chính sách và các yếu tố kinh tế vĩ mô.
- **Triển khai và quản lý các dự án đầu tư:** Tiếp tục tập trung triển khai các dự án bất động sản đã được phê duyệt; giám sát chặt chẽ tiến độ, chất lượng, hiệu quả đầu tư và việc tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hạ tầng và các điều kiện cần thiết để đưa sản phẩm ra thị trường theo kế hoạch.
- **Phát triển hoạt động kinh doanh thương mại:** Tiếp tục duy trì và mở rộng các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi; nâng cao hiệu quả hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu nông sản và các mặt hàng nguyên liệu phục vụ sản xuất công nghiệp; mở rộng thị trường và tìm kiếm các đối tác, nguồn hàng phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- **Tăng cường hợp tác và tìm kiếm cơ hội đầu tư:** Mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tìm kiếm cơ hội đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.



- **Phát triển nguồn nhân lực:** Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty trong giai đoạn tới.
- **Tuân thủ pháp luật và nâng cao tính minh bạch:** Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ; nâng cao hiệu quả quản trị, tính công khai minh bạch và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- **Công tác thị trường vốn:** Tiếp tục triển khai các công việc và điều kiện cần thiết để thực hiện niêm yết cổ phiếu của Công ty khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Thân**

## CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	0002/QĐ/MTB-HĐQT	20/01/2025	Công nhận danh hiệu thi đua năm 2024
2	0003/QĐ/MTB-HĐQT	20/01/2025	Chi quỹ thưởng Ban điều hành cho Cán bộ quản lý
3	0004/NQ/MTB-HĐQT	21/01/2025	Gia hạn thời gian sử dụng hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hai Bà Trưng
4	0007/NQ/MTB-HĐQT	03/3/2025	Chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty
5	0008/QĐ/MTB-HĐQT	03/3/2025	Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty
6	0009/QĐ/MTB-HĐQT	03/3/2025	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty
7	0010/NQ/MTB-HĐQT	03/3/2025	Triển khai dự án Khu đô thị mới Đông Kinh, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn
8	0011/QĐ/MTB-HĐQT	03/3/2025	Góp vốn thành lập Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đông Kinh và cử người đại diện quản lý phần vốn góp
9	0014/NQ/MTB-HĐQT	07/3/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại Ngân hàng Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Hai Bà Trưng
10	0015/NQ/MTB-HĐQT	07/3/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Hoàn Kiếm
11	0016/NQ/MTB-HĐQT	07/3/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại Ngân hàng SHB – Chi nhánh Hà Nội
12	0017/NQ/MTB-HĐQT	07/3/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại Ngân hàng MBBank – Chi nhánh Hai Bà Trưng
13	0018/NQ/MTB-HĐQT	07/3/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng và tài sản đảm bảo tại Ngân hàng LPBank – Chi nhánh Hoàng Mai



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
14	0019/NQ/MTB-HĐQT	10/3/2025	Kế hoạch SXKD năm 2025
15	0022/NQ/MTB-HĐQT	27/3/2025	Thông qua các nội dung đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2025 Công ty CP Máy – TBĐK Đà Nẵng
16	0026/NQ/MTB-HĐQT	02/4/2025	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của PVMACHINO
17	0027/QĐ/MTB-HĐQT	02/4/2025	Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của PVMACHINO
18	0035/QĐ/MTB-HĐQT	23/4/2025	Chi thưởng Quỹ thưởng Ban điều hành nhiệm kỳ 2020-2025
19	0038/NQ/MTB-HĐQT	24/4/2025	Bầu chủ tịch HĐQT Công ty
20	0040/NQ/MTB-HĐQT	13/5/2025	Bán khoản nợ phải thu Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xuất nhập khẩu QĐ Việt Nam
21	0041/NQ/MTB-HĐQT	13/5/2025	Tăng vốn điều lệ Công ty CP Machino Thành Đạt
22	0042/QĐ/MTB-HĐQT	13/5/2025	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT
23	0045/NQ/MTB-HĐQT	15/5/2025	Thông qua các nội dung tại cuộc họp HĐQT bất thường năm 2025 của Công ty XNK Máy Hà Nội
24	0047/QĐ/MTB-HĐQT	20/5/2025	Chi trả thù lao, phụ cấp của HĐQT và BKS của Công ty năm 2025
25	0050/NQ/MTB-HĐQT	13/6/2025	Thông qua các nội dung đề biểu quyết tại cuộc họp HĐTV năm 2025 của Hitachi Astemo Hà Nội
26	0053/NQ/MTB-HĐQT	25/6/2025	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025
27	0060/NQ/MTB-HĐQT	05/8/2025	Thông qua KQ kinh doanh 6 tháng năm 2025, KH kinh doanh quý 3 và 6 tháng cuối năm 2025
28	0067/NQ/MTB-HĐQT	12/11/2025	Phương án chi trả cổ tức năm 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
29	0070/NQ/MTB-HĐQT	19/11/2025	Thông qua Kết quả kinh doanh đến thời điểm 30/9/2025; Kế hoạch kinh doanh Quý IV/2025.
30	0074/NQ/MTB-HĐQT	12/12/2025	Thế chấp phần vốn góp tại Công ty TNHH Machino Phú Xuân để đảm bảo nghĩa vụ tín dụng

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**  
**VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí

**PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025**

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty được triển khai theo hai lĩnh vực chính đã định hình gồm (1) Lĩnh vực kinh doanh thương mại và (2) Lĩnh vực đầu tư, phát triển dự án. Trong đó, lĩnh vực kinh doanh thương mại tiếp tục phát triển và mở rộng thêm mặt hàng mới (quặng sắt nhập khẩu...); lĩnh vực đầu tư, phát triển dự án đã đạt được những bước tiến quan trọng về pháp lý và thủ tục đầu tư để một số dự án đủ điều kiện thi công, bán hàng trong năm 2026. Các kết quả đạt được:

**I. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH.**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2025	Thực hiện cả năm	
				Giá trị	% so KH
1	<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2.049,29</b>	<b>1.990,65</b>	<b>97%</b>
	<i>Trong đó Công ty Mẹ</i>	<i>Nt</i>	<i>1.255,89</i>	<i>1.225,47</i>	<i>98%</i>
2	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Nt</b>	<b>41,39</b>	<b>33,73</b>	<b>81%</b>
	<i>Trong đó Công ty Mẹ</i>	<i>Nt</i>	<i>35,80</i>	<i>37,10</i>	<i>104%</i>
3	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Nt</b>	<b>40,30</b>	<b>33,62</b>	<b>83%</b>
	<i>Trong đó Công ty Mẹ</i>	<i>Nt</i>	<i>35,80</i>	<i>37,10</i>	<i>104%</i>

Các chỉ tiêu tài chính năm 2025 Công ty Mẹ hoàn thành Kế hoạch, nhưng hợp nhất chưa hoàn thành. Nguyên nhân do Công ty con – Công ty CP Máy-Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng chưa hoàn thành, đơn vị kinh doanh đại lý xe ô tô Mitsubishi, năm 2025 và mặt hàng xe ô tô bị cạnh tranh gay gắt và gặp bất lợi từ dòng xe điện và sự chậm ra mắt mẫu xe mới.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CÔNG TÁC CHÍNH.**

### **1. Công tác kinh doanh thương mại.**

#### **1.1. Kinh doanh kim loại màu (kẽm, nhôm nguyên liệu, nhôm định hình, tôn zam...) và quặng sắt.**

- Cùng cố, giữ vững kinh doanh các mặt hàng gồm kẽm, nhôm (nguyên liệu, nhôm định hình profile...). Song song với việc kinh doanh, Công ty tiếp tục hỗ trợ, hợp tác với đối tác, nhà sản xuất: kết hợp sản xuất và kinh doanh sản phẩm đầu ra.

- Năm 2025, Công ty mở rộng thêm mặt hàng mới là quặng sắt nhập khẩu từ thị trường Đông Nam Á để cung cấp cho ngành luyện kim trong nước.

#### **1.2. Kinh doanh nông sản, gạo và các sản phẩm nông nghiệp khác.**

- Mảng nông sản các loại tiếp tục đem lại doanh thu cao trong năm 2025, tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận còn thấp chưa đáp ứng kỳ vọng.

- Tiếp tục nghiên cứu mở rộng cung cấp cho các nhà máy thức ăn chăn nuôi tại khu vực miền bắc; tham gia đấu thầu cung cấp gạo trong nước và tìm kiếm cơ hội xuất khẩu.

### **2. Công tác đầu tư, phát triển dự án.**

#### **2.1. Các dự án bất động sản.**

##### **a. Cụm dự án tại tỉnh Hưng Yên (tỉnh Thái Bình trước sáp nhập).**

##### **1) Dự án phát triển khu nhà ở thương mại tại phường Trần Hưng Đạo và phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.**

- Diện tích: 5,8ha.

- Địa điểm: phường Trần Hưng Đạo và phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

- Quy mô dự án: 147 lô đất, trong đó 114 liên kế, 33 lô nhà biệt thự.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Machino Phú Xuân - Vốn điều lệ 136 tỷ đồng. Tỷ lệ tham gia của PVMACHINO là 70%/VĐL.

- Tổng mức đầu tư: 1.040,99 tỷ đồng (bao gồm cả NOXH).

- Tình hình triển khai thực hiện: đã hoàn thành toàn bộ thủ tục GPMB, thủ tục đất, đang triển khai thi công phần hạ tầng, dự kiến sẽ có sản phẩm vào cuối năm 2026 và ghi nhận doanh thu, lợi nhuận.

##### **2) Dự án xây dựng nhà ở xã hội thuộc quỹ đất trong quy hoạch Dự án phát triển khu nhà ở thương mại tại phường Trần Hưng Đạo và phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.**

- Diện tích: 4.633,8 m<sup>2</sup>.

- Quy mô dự án: 02 khối nhà 15 tầng (02 tầng đế), khoảng 312 căn hộ

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Machino Phú Xuân (thực hiện cả hai Dự án nhà ở thương mại và Nhà ở xã hội).

- Tổng mức đầu tư: 375 tỷ đồng.

- Tình hình triển khai thực hiện: khởi công ngày 19/12/2025, đang triển khai công tác thi công. Năm 2026: sẽ cơ bản hoàn thành và bán hàng theo quy định, ghi nhận dòng tiền thu.

**3) Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư An Phú, xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên.**

- Diện tích: 11,88ha.

- Địa điểm: xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên.

- Quy mô dự án: 394 lô đất, trong đó 358 liên kế, 36 lô nhà biệt thự.

- Chủ đầu tư: Công ty CP Machino An Phú. Vốn điều lệ 129 tỷ đồng. Tỷ lệ tham gia của PVMACHINO là 55%/VĐL.

- Tổng mức đầu tư: 1.336,38 tỷ đồng.

- Tình hình triển khai thực hiện: đang hoàn thiện công tác GPMB, thủ tục đất và sẽ sớm khởi công, thi công trong năm 2026.

**b. Cụm dự án tại tỉnh Lạng Sơn.**

**1) Dự án Khu đô thị mới Đông Kinh, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn.**

- Diện tích: 17,65ha.

- Địa điểm: phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn.

- Tổng mức đầu tư: 1.832,57 tỷ đồng.

- Doanh nghiệp dự án: Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đông Kinh. Vốn điều lệ 100 tỷ đồng (góp bổ sung theo tiến độ thực hiện). Tỷ lệ tham gia của PVMACHINO là 50%/VĐL.

- Tình hình triển khai thực hiện.

STT	Nội dung công việc	Tiến độ
1	GPMB	Năm 2025 - 2026
2	Công tác cấp phép xây dựng và Khởi công	Năm 2027
3	Công tác bán hàng	Năm 2028

**2) Các dự án đang tiếp cận:** đang tiếp tục nghiên cứu các cơ hội, dự án đất ở, khu/cụm công nghiệp và dự án xử lý rác thải sinh hoạt...

**2.2. Các dự án về hệ thống Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt và năng lượng.**

Công ty triển khai thực hiện qua Công ty con - Công ty CP Machino Thành Đạt chuyên về lĩnh vực này. Vốn điều lệ 100 tỷ đồng. Tỷ lệ tham gia là 94,05%/VĐL.

**2.3. Các dự án Thương mại dịch vụ:** đang nghiên cứu các dự án tại xã Mê Linh và xã Đông Anh, Hà Nội.

**3. Công tác tài chính, nguồn vốn.**

- Bố trí linh hoạt nguồn vốn, mở hạn mức và làm việc với các tổ chức tín dụng, ngân hàng để tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư phát triển dự án. Quy mô tài chính của Công ty đang đặt ra các đòi hỏi mở rộng để phù hợp cho định hướng phát triển của Công ty.

- Nghiên cứu lộ trình tăng vốn điều lệ, huy động, hợp tác với các đối tác để mở rộng nguồn tài chính đáp ứng quy mô tài chính đang ngày một mở rộng của Công ty.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, cập nhật và áp dụng các quy định tài chính, kế toán theo chuẩn.

**4. Công tác tổ chức, bộ máy.**

- Sắp xếp, củng cố các bộ phận, tuyển dụng, chiêu mộ và đào tạo nhân sự đảm bảo có chuyên môn, chất lượng, có độ tuổi phù hợp nhằm vừa đảm bảo thực hiện ngay được công việc, cũng như có sự kế thừa, chuẩn bị cho kế hoạch phát triển trung/dài hạn.

- Tiếp tục khai thác, quản lý hiệu quả nhà đất, kho bãi, tài sản cho thuê đảm bảo hạch toán đủ chi phí, thu tiền đúng hạn, không có nợ đọng và quá hạn.

**5. Công tác truyền thông và chuyển đổi số.**

- Công tác truyền thông được chú trọng, quảng bá hình ảnh Công ty tới khách hàng, xúc tiến các công tác nhận diện thương hiệu PVMACHINO qua đó hỗ trợ công tác bán hàng khi các dự án có sản phẩm cũng như đấu thầu, tiếp cận các dự án mới.

- Song song với đó công tác chăm lo đời sống CBNV luôn được Công ty quan tâm thực hiện, thường kỳ hàng năm tổ chức cho CBNV tham quan, nghỉ mát tái tạo sức lao động, có tặng quà cán bộ nữ, con em người lao động trong những dịp lễ, tết và các hoạt động thiện nguyện, an sinh xã hội khác.

## PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

### 1. CÔNG TY CP MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG.

- Đơn vị đang khai thác 03 Trung kinh doanh đại lý xe ô tô Mitsubishi tại Đà Nẵng, Huế và Quảng Trị. Năm 2025 đơn vị không hoàn thành kế hoạch do thị trường ô tô ngày càng cạnh tranh gay gắt, xu hướng dịch chuyển sang xe điện ngày càng tăng nên thị phần xe xăng có dấu hiệu suy giảm: **Tổng doanh thu đạt 742,68 tỷ đồng, lỗ 1,73 tỷ đồng**. Định hướng năm 2026, đơn vị sẽ chuyển đổi, bám sát vào xu hướng phát triển của xe điện để thích nghi hoạt động kinh doanh.

- Đơn vị hiện đang từng bước nắm bắt xu hướng chuyển đổi xe chạy điện, xe lai chạy điện – xăng, để sớm thích nghi, bắt kịp sự tăng trưởng thị hiếu của thị trường.

- Ngoài ra, đơn vị tiếp tục duy trì hoạt động khai thác cho thuê và phát triển bất động sản...

### 2. CÔNG TY CP MACHINO THÀNH ĐẠT.

- Đơn vị đang vận hành 02 nhà máy xử lý triệt để rác thải sinh hoạt bao gồm: Nhà máy xử lý triệt để rác thải sinh hoạt Quỳnh Côi tại xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên và Nhà máy xử lý triệt để rác thải sinh hoạt Kiên Thành tại xã Kiên Lao, Bắc Ninh. Năm 2025, đơn vị cơ bản hoàn thành kế hoạch năm: **Tổng doanh thu đạt 30,81 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 0,29 tỷ đồng**.

- Trong năm đơn vị đang tiếp tục hoàn thiện thủ tục pháp lý để khởi công mới Nhà máy xử lý rác thải Quỳnh Minh tại xã Minh Thọ và xã Quỳnh Phụ, Hưng Yên và tiếp tục phát triển dự án tại một số địa phương khác. Đồng thời, nghiên cứu phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời - điện mặt trời áp mái tại các nhà máy sản xuất, khu/cụm công nghiệp, khách sạn, trung tâm thương mại...

### 3. Các Công ty dự án.

Các Doanh nghiệp dự án hoạt động tập trung cho công tác triển khai dự án, Công ty theo dõi giám sát chặt chẽ theo quy định và thường xuyên cập nhật theo tiến độ triển khai dự án.

### PHẦN III: KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026

#### I. CÁC CHỈ TIÊU.

STT	Nội dung	Đơn vị	KH năm 2026
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.381,94
	<i>Trong đó Công ty Mẹ</i>	<i>Nt</i>	<i>1.224,70</i>
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	64,97
	<i>Trong đó Công ty Mẹ</i>	<i>Nt</i>	<i>40,26</i>
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	60,23
	<i>Trong đó Công ty Mẹ</i>	<i>Nt</i>	<i>40,26</i>

#### II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

##### 1. Công tác kinh doanh thương mại.

##### 1.1. Kinh doanh kim loại màu (kẽm, nhôm nguyên liệu, nhôm định hình, tôn zam...) và quặng sắt.

- Tiếp tục duy trì thị phần hiện tại ở khu vực miền Bắc và nghiên cứu mở rộng sang thị trường miền Nam.

- Xây dựng quan hệ hợp tác chiến lược với các đối tác sản xuất để tham gia vào sản xuất kinh doanh mặt hàng thanh nhôm định hình, từ đó xây dựng thành nhóm sản phẩm kinh doanh trong cơ cấu tổng doanh thu.

- Cùng cố, duy trì quan hệ với đối tác ngoại để nhập khẩu mặt hàng quặng sắt cung cấp trong nước.

##### 1.2. Kinh doanh nông sản, gạo và các sản phẩm nông nghiệp khác.

- Cùng cố mối quan hệ với các đối tác hiện tại; đồng thời tích cực tìm kiếm và mở rộng hợp tác với các khách hàng mới để phủ thị trường tại cả hai khu vực miền Bắc và miền Nam.

- Nghiên cứu cải thiện tỷ suất lợi nhuận của ngành hàng, phối hợp với các tổ chức tín dụng để cơ chế vốn, lãi suất tốt.

##### 2. Công tác đầu tư, phát triển các dự án.

- Nhóm các dự án đã hoàn thành GPMB/thủ tục đất, đang triển khai thi công: tập trung nguồn lực triển khai thi công đúng tiến độ, tiết kiệm chi phí, thiết lập các kênh bán hàng, phối hợp đơn vị tư vấn bán chọn thời điểm bán hàng phù hợp, tối đa hóa dòng tiền, đảm bảo hiệu quả cao nhất.



- Nhóm dự án đang hoàn thiện công tác GPMB: bố trí nguồn vốn đúng tiến độ, xác định giá đất phù hợp, đảm bảo chi trả cho người dân, phần đầu có đất sạch càng sớm càng tốt. Song song đó, cũng lựa chọn các nhà thầu uy tín, có năng lực chuẩn bị cho khâu triển khai thi công.

- Nhóm các dự án đang tiếp cận, phát triển:

\* Bám sát các quy định, quy hoạch và định hướng phát triển của Công ty để lập danh mục đề xuất, triển khai đầu tư phù hợp. Địa bàn định hướng: Hà Nội, Khánh Hòa, Hưng Yên...

\* Tổ chức triển khai chủ trương đầu tư Dự án Nhà ở xã hội Việt Hùng – Đông Anh tại xã Đông Anh, thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 0031/NQ/MTB-HĐQT ngày 20/5/2026 của Hội đồng quản trị Công ty. Cụ thể:

- ✓ Diện tích và nguồn gốc khu đất. Diện tích đề xuất thực hiện Dự án khoảng 8,456 ha, gồm:
  - Diện tích 2,36ha, do Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí đang quản lý sử dụng. Đã hết thời hạn thuê đất từ năm 2016, hiện đang quản lý ổn định và đóng tiền thuê đất hàng năm.
  - Diện tích 6,096 ha, do Công ty CP Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội đang quản lý sử dụng có thời hạn thuê đến 13/10/2027 và đóng tiền thuê đất hàng năm.
- ✓ Quy mô đầu tư dự kiến: gồm khu nhà ở xã hội, nhà ở thương mại, công trình công cộng, trường mầm non, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật và giao thông nội khu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- ✓ Tổng mức đầu tư dự kiến: 7.363 tỷ đồng (*bằng chữ: bảy nghìn ba trăm sáu mươi ba tỷ đồng*). Và sẽ có sự thay đổi nếu chỉ tiêu quy hoạch, xây dựng thay đổi và tư vấn thiết kế phát hành chính thức.
- ✓ Tiến độ dự kiến triển khai và hoàn thành: năm 2026 -2029.
- ✓ Công ty góp vốn với các đối tác thành lập doanh nghiệp dự án. Vốn điều lệ dự kiến là 1.500 tỷ đồng (*bằng chữ: một nghìn năm trăm tỷ đồng*), đảm bảo đáp ứng quy định về vốn chủ sở hữu theo quy định pháp luật.

### **3. Công tác tổ chức, tài chính và các công tác khác.**

#### **3.1. Công tác tài chính.**

- Xây dựng chiến lược tài chính linh hoạt, đảm bảo nguồn vốn ổn định cho các hoạt động đầu tư và kinh doanh, đồng thời tối ưu hóa chi phí vốn.

- Quản lý chặt chẽ dòng tiền, tập trung vào việc giảm thiểu rủi ro tài chính và đảm bảo tính thanh khoản dài hạn cho công ty.

- Phát triển các cơ chế kiểm soát chi phí nội bộ, định kỳ đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và các khoản đầu tư.

- Nghiên cứu và xây dựng lộ trình tăng vốn điều lệ khi đủ điều kiện.

### **3.2. Công tác tổ chức bộ máy, đào tạo nguồn nhân lực.**

- Triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ nhân viên, tập trung vào kỹ năng quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và áp dụng công nghệ.

- Nâng cấp hệ thống quản trị doanh nghiệp, xây dựng cơ chế làm việc linh hoạt, rõ ràng để tối ưu hóa hiệu suất hoạt động.

- Phát triển chính sách sử dụng tài sản và cơ sở vật chất hiệu quả, đảm bảo tối ưu hóa nguồn lực sẵn có, góp phần nâng cao năng suất lao động.

### **3.3. Một số công tác khác.**

- Công tác truyền thông và chuyển đổi số: Công ty tiếp tục duy trì và truyền thông hình ảnh qua trang web, quảng bá hình ảnh doanh nghiệp tới khách hàng hiệu quả; từng bước triển khai số hóa và trực tuyến hóa quy trình làm việc.

- Công tác lao động, đào tạo và các hoạt động của các tổ chức đoàn thể: Chú trọng tổ chức các chương trình đào tạo phù hợp, các hoạt động đoàn thể sôi nổi, tích cực và các phong trào thi đua, văn nghệ, thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV; tiếp tục quan tâm đầy đủ các chế độ phúc lợi cho người lao động; các chính sách chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm, nghỉ phép, trợ cấp; có chính sách chăm lo, khen thưởng nhân các ngày lễ.

- Công tác an sinh xã hội: toàn thể CBCNV Công ty tiếp tục hưởng ứng tham gia các phong trào từ thiện xã hội và các phong trào đoàn thể khác.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và phê duyệt kế hoạch năm 2026 theo nội dung trên.

Trân trọng!

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS Công ty (thay b/c);
- Lưu: VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC** ✓  
  
  
**Phạm Văn Hiệp**

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI  
ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí (Công ty);

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;

Căn cứ kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 do Ban Kiểm soát thực hiện;

Thay mặt Ban kiểm soát Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu Khí (BKS) tôi xin báo cáo kết quả công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty năm 2025 trước Đại hội với các nội dung như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025**

1. Trong năm 2025, nhân sự của Ban Kiểm soát có sự thay đổi so với năm 2024 (tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 24/4/2025 đã miễn nhiệm bà Phạm Thị Hải An, bầu bổ sung bà Nguyễn Lệ Thuỳ). Hiện tại, Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên. Các thành viên Ban Kiểm soát đều đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
2. Mức thù lao của Ban Kiểm soát năm 2025 theo đúng nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 vào ngày 24/04/2025;
3. Ban Kiểm soát đã thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể tới các thành viên Ban Kiểm soát trên các mặt hoạt động của Công ty. Trong năm 2025, Ban Kiểm soát thực hiện các cuộc họp hàng tháng, quý để thực hiện kiểm tra trong quý và triển

khai công việc trong các quý tiếp theo.

4. Trong năm 2025, BKS đã kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty, bao gồm hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý, người đại diện của Công ty tại các đơn vị có vốn góp. Các nội dung chủ yếu được thông qua:
  - Kết quả thẩm định BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2025, báo cáo bán niên của Công ty đã được soát xét, kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán Việt Nam (AASC).
  - Thống nhất nội dung và kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý, người đại diện phần vốn góp của Công ty.
  - Thống nhất thông qua Báo cáo giám sát hàng quý của BKS gửi HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty; thống nhất thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2025 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2025.
  - Kết quả giám sát các khoản công nợ phải thu quá hạn.

Các cuộc họp của BKS diễn ra dân chủ, các Biên bản cuộc họp được ghi chép chi tiết, rõ ràng và lưu trữ đầy đủ.

5. Ban Kiểm soát cũng đã giám sát chặt chẽ việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đối với nghĩa vụ công ty đại chúng quy mô lớn, nghĩa vụ công bố thông tin cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và người có liên quan. Trong năm 2025, tại Công ty không có vi phạm nào nghiêm trọng liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin.
6. Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách, chế độ của Nhà nước, chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị (HĐQT).
7. Ban Kiểm soát giám sát chặt chẽ việc thực hiện những nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, giám sát việc thực hiện kế hoạch quý, năm của Công ty.
8. Ban Kiểm soát cũng đã giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp về quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.
9. Ban Kiểm soát đã làm việc với một số đơn vị Kiểm toán độc lập để lựa chọn và đề xuất với HĐQT quyết định phê duyệt đơn vị kiểm toán độc lập nằm trong danh sách 3 công ty Kiểm toán đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 24/04/2025 thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.
10. Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu

của Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty do Ban Tổng Giám đốc lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

11. Ban Kiểm soát thực hiện việc Giám sát việc huy động, sử dụng vốn, cân đối vốn và quản lý dòng tiền; phân phối lợi nhuận, công tác kiểm kê và thực hiện các định mức, các biện pháp tiết giảm chi phí. Giám sát công tác quản lý và thu hồi công nợ đặc biệt là các khoản công nợ phải thu quá hạn. Giám sát công tác chi trả cổ tức.

## II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025.

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025, đồng thời với việc xem xét Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát thống nhất với số liệu của AASC, Ban kiểm soát xác nhận Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025, báo cáo kết quả kinh doanh cũng như báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ 01/01/2025 đến 31/12/2025, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2025 đã phù hợp với các chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Trên cơ sở đó, Ban Kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 do Ban Tổng Giám đốc báo cáo, số liệu cụ thể như sau:

### 1. Các chỉ tiêu thực hiện hoạt động SXKD năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2025	Thực hiện cả năm	
				Giá trị	% so KH
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	2.049,29	1.990,65	97%
	<i>Trong đó Công ty Mẹ</i>	<i>Nt</i>	<i>1.255,89</i>	<i>1.225,47</i>	<i>98%</i>
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	41,39	33,73	81%
	<i>Trong đó Công ty Mẹ</i>	<i>Nt</i>	<i>35,80</i>	<i>37,10</i>	<i>104%</i>
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	40,30	33,62	83%
	<i>Trong đó Công ty Mẹ</i>	<i>Nt</i>	<i>35,80</i>	<i>37,10</i>	<i>104%</i>

Số liệu Tổng doanh thu và tổng lợi nhuận đã bao gồm các khoản giảm trừ theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán.

Với kết quả kinh doanh như đã nêu trên, BKS có nhận xét như sau: Năm 2025, Công ty mẹ đã hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua, cụ thể:

- Trong năm 2025, Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh Công ty Mẹ đạt 1.225,47 tỷ đồng đạt 98% kế hoạch, trong đó doanh thu bán hàng và dịch vụ là 1.148,16 tỷ đồng (doanh thu từ cung cấp thiết bị dự án và hoạt động thương mại là 1.136,26 tỷ đồng, doanh thu từ hoạt động dịch vụ là 11,9 tỷ đồng). Lợi

nhuận trước thuế cả năm Công ty Mẹ đạt 37,10 tỷ đồng đạt 104% kế hoạch năm; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên vốn điều lệ đạt 9,6%.

- Hợp nhất số liệu toàn Công ty tổng doanh thu đạt 1.990,64 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 33,62 tỷ đồng đạt 83%.

## 2. Về việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính và biến động tài sản năm 2025.

Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được cơ quan kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ năm 2025 của Công ty được phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025. Các báo cáo của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp tại Việt Nam.
- Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ đầy đủ theo đúng quy định.

Về tài sản và nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, BKS xin tóm lược như sau:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Công ty Mẹ		Hợp nhất		Tăng giảm	
	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024	Công ty mẹ	Hợp nhất
					31/12/2025	31/12/2024
<b>I. Tổng tài sản</b>	<b>988,899</b>	<b>967,982</b>	<b>1.238,613</b>	<b>1.155,863</b>	<b>102%</b>	<b>107%</b>
Trong đó						
<b>1. Tài sản ngắn hạn.</b>	<b>620,032</b>	<b>607,627</b>	<b>948,691</b>	<b>961,474</b>	<b>102%</b>	<b>99%</b>
- Tiền và các khoản tương đương tiền	116,529	3,221	200,944	21,075	3618%	953%
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	82,817	93,496	106,802	112,096	89%	95%
- Các khoản phải thu	398,463	490,518	577,079	744,278	81%	78%
- Hàng tồn kho	21,897	19,431	60,085	78,084	113%	77%
- TS ngắn hạn khác	0,326	0,961	3,781	5,941	34%	64%
<b>2. Tài sản dài hạn</b>	<b>368,867</b>	<b>360,355</b>	<b>289,922</b>	<b>194,389</b>	<b>102%</b>	<b>149%</b>
- Các khoản phải thu	1,600	37,600	1,600	37,600	4%	4%
- Tài sản cố định	15,029	16,459	149,238	70,148	91%	213%
- Bất động sản đầu tư						
- Tài sản dở dang dài hạn	1,456	1,101	52,718	22,281	132%	237%
- Đầu tư TC dài hạn	345,663	297,713	78,835	53,835	116%	146%
- TS dài hạn khác	5,119	7,482	7,531	10,525	68%	72%

Chỉ tiêu	Công ty Mẹ		Hợp nhất		Tăng giảm	
	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024	Công ty mẹ	Hợp nhất
					31/12/2025	31/12/2024
<b>II. Tổng nguồn vốn</b>	<b>988,899</b>	<b>967,982</b>	<b>1.238,613</b>	<b>1.155,863</b>	<b>102%</b>	<b>107%</b>
Trong đó						
<b>1. Nợ phải trả</b>	<b>408,859</b>	<b>397,358</b>	<b>533,134</b>	<b>467,097</b>	<b>103%</b>	<b>114%</b>
- Nợ ngắn hạn	394,347	365,847	512,417	430,332	108%	119%
- Nợ dài hạn	14,512	31,511	20,717	36,765	46%	56%
<b>2. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>580,040</b>	<b>570,624</b>	<b>705,479</b>	<b>688,766</b>	<b>102%</b>	<b>102%</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386,386	386,386	386,386	386,386	100%	100%
- Quỹ đầu tư phát triển	18,763	18,763	18,921	18,921	100%	100%
- Lợi nhuận chưa phân phối	174,891	165,475	153,303	147,394	106%	104%
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát			146,869	136,065		108%

- Tổng tài sản và tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2025 hợp nhất toàn Công ty là 1.238,6 tỷ đồng (Công ty mẹ: 988,899 tỷ đồng) tăng so với năm 2024, cụ thể: Tổng tài sản hợp nhất tăng 82,75 tỷ đồng tương ứng 7%, tổng tài sản Công ty mẹ tăng 20,91 tỷ đồng 2% so với năm 2024, nguyên nhân tổng tài sản hợp nhất tăng:

+ Tăng khoản mục tài sản ngắn hạn: Tăng khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền trong khi các khoản phải thu tăng khoản phải thu ngắn hạn; Tăng đầu tư tài chính ngắn hạn;

+ Tăng khoản mục tài sản dài hạn: Tăng khoản mục Tài sản cố định và tài sản dở dang dài hạn.

- Vốn chủ sở hữu của toàn Công ty đến 31/12/2025 là 705,48 tỷ đồng, tăng 2% so với đầu năm (VCSH Công ty mẹ 580,04 tỷ đồng tăng 2% so với đầu năm) việc tăng vốn chủ sở hữu là do lợi nhuận trong kỳ đem lại bên cạnh việc tăng lợi nhuận thì Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024.
- Các khoản phải thu ngắn hạn theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại 31/12/2025 là 577,08 tỷ đồng, giảm 167,2 tỷ đồng với năm trước (Công ty Mẹ: phải thu ngắn hạn là 398,46 tỷ đồng, giảm 92,055 tỷ đồng). Trong đó công nợ quá hạn là 178,79 tỷ đồng (Công ty mẹ: công nợ quá hạn là 184,9 tỷ đồng).
- Tổng số dự phòng các khoản phải thu đã được trích lập là 178,79 tỷ đồng (trong đó Công ty mẹ trích lập 184,9 tỷ đồng).
- Đến 31/12/2025 dư vay ngắn hạn toàn Công ty là 329,08 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ vay ngắn hạn là 234,37 tỷ đồng.



- Công nợ phải trả toàn Công ty: 533,13 tỷ đồng (trong đó Công nợ phải trả Công ty mẹ 408,86 tỷ đồng).

Các chỉ tiêu liên quan đến các chỉ số tài chính tại Công ty mẹ như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		
<i>1.1 Bố trí cơ cấu tài sản</i>		
Tài sản ngắn hạn/ Tổng Tài sản	0,63	0,63
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	0,37	0,37
<i>1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>		
Nợ phải trả/ Tổng Nguồn vốn	0,41	0,41
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng Nguồn vốn	0,59	0,59
<b>2. Khả năng thanh toán</b>		
<i>2.1 Khả năng thanh toán hiện hành</i>	<b>1,66</b>	<b>1,57</b>
<i>2.2 Khả năng thanh toán nhanh</i>	<b>1,61</b>	<b>1,52</b>
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>		
<i>3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	4,56%	3,23%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	4,34%	3,23%
<i>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	5,56%	3,75%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	5,28%	3,75%
<i>3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn CSH</i>	<b>8,96%</b>	<b>6,40%</b>

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh: 1,52 lần
- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời: 1,57 lần

Các chỉ số tài chính năm 2025 của Công ty mẹ cho thấy tình hình tài chính của Công ty là lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán, bảo toàn và phát triển vốn.

### III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

Qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2025, Ban Kiểm Soát đánh giá HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ, cụ thể:

#### 1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Tại ĐHĐCĐ thường niên 2025 ngày 24/04/2025: Miễn nhiệm đối với bà Tổng Thị Diệp UV HĐQT và bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Hoài Thanh. HĐQT Công ty



đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua trong năm 2025. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, công tác tái cấu trúc, tổ chức nhân sự, bổ nhiệm cán bộ, lao động tiền lương... theo đúng quy định và điều lệ của PVMACHINO, quy định của pháp luật. HĐQT tổ chức họp thường kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

## **2. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện phân công nhiệm vụ cho các đồng chí phụ trách theo từng lĩnh vực, thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng để triển khai Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT, chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty, rà soát đánh giá kết quả của từng nội dung các công việc để chỉ đạo các phòng ban bộ phận thực hiện triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời để đạt được kết quả tốt nhất, đảm bảo tuân thủ điều lệ của Công ty và chấp hành nghiêm chỉnh luật Doanh nghiệp.

## **IV. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HĐQT, BAN TGD.**

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban của Ban điều hành, được cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty; BKS phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trên nguyên tắc vì lợi ích tối đa của Công ty và các cổ đông thực hiện theo đúng các quy định của Pháp luật.

## **V. ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY, CÔNG TY CON VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA PVM VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN.**

Ban kiểm soát thường xuyên theo dõi, giám sát và cập nhật kịp thời danh sách cổ đông lớn, thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành và Kế toán trưởng và người có liên quan theo quy định. Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện rà soát các hợp đồng, giao dịch giữa PVM, Công ty con với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành của PVM và những người có liên quan; giao dịch giữa PVM với Công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc người điều hành khác của PVM là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh

nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. Các giao dịch này được thực hiện tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật.

## **VI. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026 CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Ban kiểm soát Công ty tiếp tục thực hiện các công việc, nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật của Nhà nước, tổ chức họp định kỳ để rút kinh nghiệm và đề xuất các biện pháp để hoạt động của BKS có hiệu quả; tập trung vào các công việc cụ thể sau:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát năm 2026. Họp định kỳ để kịp thời đề xuất các biện pháp hoạt động Ban kiểm soát có hiệu quả.
- Thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát sản xuất kinh doanh năm 2026. Làm việc với Người đại diện phần vốn của PVM tại các đơn vị và Ban Kiểm Soát của các đơn vị về tình hình thực hiện công tác quản lý giám sát kiểm tra tại các đơn vị thành viên.
- Kiểm tra việc tuân thủ các chế độ, chính sách, pháp luật Nhà nước, các quy định văn bản hướng dẫn của các cơ quan chức năng đối với toàn bộ hoạt động tại Công ty: công tác tổ chức, công tác tài chính kế toán, công tác đầu tư, công tác kinh doanh,...
- Giám sát tình hình thực hiện các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công ty để phù hợp với công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, đề xuất sửa đổi (nếu có).
- Kiểm tra đôn đốc việc lập báo cáo kế toán, thẩm định các báo cáo kết quả kinh doanh, BCTC quý, năm. Phân tích và đánh giá tình hình tài chính của Công ty.
- Giám sát công tác quản lý và sử dụng vốn, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.
- Giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, tình hình thực hiện việc cắt giảm chi phí tại Công ty và các đơn vị thành viên theo như kế hoạch đã đăng ký.
- Giám sát việc xử lý và thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản công nợ quá hạn.
- Thực hiện các công tác đột xuất khác mà HĐQT hoặc các cổ đông yêu cầu trong phạm vi chức năng của Ban Kiểm soát được quy định trên cơ sở tuân thủ những quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động và các quy định của pháp luật.

- Và các nhiệm vụ khác được quy định trong Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

## **VII. KIẾN NGHỊ**

Để đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra của năm 2026. Ban Kiểm soát đề nghị:

1. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBCNV Công ty nỗ lực hơn nữa trong hoạt động kinh doanh toàn Công ty.
2. Đánh giá được rủi ro của Thị trường để từ đó nắm bắt được cơ hội mới trong hoạt động kinh doanh.
3. Công ty tiếp tục và duy trì tốt công tác quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
4. Tăng cường công tác đánh giá và thực hiện đào tạo nâng cao năng lực của CBCNV hơn nữa để đáp ứng công việc ngày càng tốt hơn.
5. Xây dựng và tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế làm cơ sở cho công tác điều hành, đánh giá hiệu quả và kiểm soát rủi ro.
6. Đối với các khoản công nợ phải thu đã quá hạn/ đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi, Công ty cần tiếp tục đôn đốc các bộ phận liên quan để thực hiện việc thu hồi công nợ, hoàn thiện hồ sơ xử lý nợ không thu hồi được.
7. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo tăng cường công tác quản lý đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đảm bảo hiệu quả.

Trên đây là báo cáo về hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026. Ban Kiểm soát PVM kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí thông qua.

Trân trọng !

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**



**Lê Thị Kiều Vân**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)

## **NỘI DUNG**

### **Trang**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-47
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-47

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Văn Thân	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Hiệp	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên	
Ông Vương Hoàng Thăng	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2025
Bà Tống Thị Điệp	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Lương Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Mỹ Hương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Kiều Vân	Trưởng ban	
Bà Hà Thị Thanh Hậu	Thành viên	
Bà Nguyễn Lệ Thùy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2025
Bà Phạm Thị Hải An	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2025

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng này là Ông Phạm Văn Hiệp - Tổng Giám đốc.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.



**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
  


**Phạm Văn Hiệp**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Số: 250326.029/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 25 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

**Ngô Hoàng Hà**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2023-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		620.032.070.198	607.626.899.847
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	116.529.388.605	3.220.973.357
111	1. Tiền		116.529.388.605	3.220.973.357
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	82.816.843.670	93.495.707.177
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		82.816.843.670	93.495.707.177
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		398.463.443.376	490.518.216.557
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	364.082.363.548	366.691.726.944
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	147.604.987.638	79.666.584.808
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	37.881.420.000	88.575.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	33.796.917.730	141.968.168.081
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(184.902.245.540)	(186.383.263.276)
140	IV. Hàng tồn kho	10	21.896.480.651	19.430.948.064
141	1. Hàng tồn kho		21.896.480.651	19.430.948.064
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		325.913.896	961.054.692
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	142.393.130	28.945.925
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	356.165.745
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	183.520.766	575.943.022
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		368.867.213.605	360.355.340.777
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.600.000.000	37.600.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	1.600.000.000	37.600.000.000
220	II. Tài sản cố định		15.028.894.050	16.459.153.901
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	14.968.739.211	16.348.599.062
222	- Nguyên giá		27.074.533.829	28.820.743.734
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(12.105.794.618)	(12.472.144.672)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	60.154.839	110.554.839
228	- Nguyên giá		699.165.000	699.165.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(639.010.161)	(588.610.161)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	-	-
231	- Nguyên giá		15.292.742.940	15.292.742.940
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(15.292.742.940)	(15.292.742.940)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.456.152.187	1.100.946.187
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		1.456.152.187	1.100.946.187
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	345.662.880.687	297.712.880.687
251	1. Đầu tư vào công ty con		296.828.213.760	273.878.213.760
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		26.447.257.429	1.447.257.429
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		59.150.365.573	59.150.365.573
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(36.762.956.075)	(36.762.956.075)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.119.286.681	7.482.360.002
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	5.119.286.681	7.482.360.002
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>988.899.283.803</b>	<b>967.982.240.624</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>408.858.328.682</b>	<b>397.358.112.702</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>394.346.781.418</b>	<b>365.846.565.438</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	13.565.836.467	13.341.264.093
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	25.876.820.252	1.297.958.357
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3.649.168.699	16.528.949.125
314	4. Phải trả người lao động		5.136.135.613	5.441.382.734
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	4.236.993.922	2.047.961.403
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.469.067.270	1.305.430.906
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	102.234.054.949	51.737.807.732
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	234.374.521.387	269.729.615.019
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.804.182.859	4.416.196.069
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>14.511.547.264</b>	<b>31.511.547.264</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	13.261.547.264	25.261.547.264
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	1.250.000.000	6.250.000.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>580.040.955.121</b>	<b>570.624.127.922</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	21	<b>580.040.955.121</b>	<b>570.624.127.922</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		386.386.000.000	386.386.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.763.147.666	18.763.147.666
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		174.891.807.455	165.474.980.256
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		137.791.820.256	114.318.702.958
421b	LNST chưa phân phối năm nay		37.099.987.199	51.156.277.298
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>988.899.283.803</b>	<b>967.982.240.624</b>

*[Signature]*

*[Signature]*



Lê Thị Thu Hiền  
Người lập

Hoàng Minh Đức  
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hiệp  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	1.148.164.827.925	1.179.419.830.329
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.148.164.827.925	1.179.419.830.329
11	4. Giá vốn hàng bán	24	1.125.351.033.338	1.150.789.599.433
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.813.794.587	28.630.230.896
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	76.641.073.749	79.898.429.314
22	7. Chi phí tài chính	26	15.882.729.968	15.527.649.539
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		14.867.137.556	15.493.707.393
25	8. Chi phí bán hàng	27	7.406.802.904	14.320.713.982
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	31.920.869.946	29.946.838.473
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		44.244.465.518	48.733.458.216
31	11. Thu nhập khác	29	664.612.868	18.111.111.233
32	12. Chi phí khác	30	7.809.091.187	13.012.691.002
40	13. Lợi nhuận khác		(7.144.478.319)	5.098.420.231
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		37.099.987.199	53.831.878.447
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	2.675.601.149
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		37.099.987.199	51.156.277.298

Lê Thị Thu Hiền  
Người lập

Hoàng Minh Đức  
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hiệp  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		37.099.987.199	53.831.878.447
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.430.259.851	1.453.968.651
03	- Các khoản dự phòng		(1.481.017.736)	(2.775.112.900)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.189.057)	(943.515.475)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(73.658.991.285)	(78.474.864.837)
06	- Chi phí lãi vay		14.867.137.556	15.493.707.393
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(21.743.813.472)	(11.413.938.721)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		89.688.751.266	(47.017.110.993)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.820.738.587)	110.310.777.162
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		42.857.133.526	(141.431.255.118)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.249.626.116	2.624.152.977
14	- Tiền lãi vay đã trả		(14.467.810.282)	(13.612.399.782)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.714.715.469)	(3.180.917.978)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.112.013.210)	(4.781.498.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		77.936.419.888	(108.502.190.453)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(151.200.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(64.441.462.300)	(81.695.032.198)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		125.813.905.807	4.040.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(47.950.000.000)	(15.015.124.800)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	118.530.000.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		63.684.886.428	54.704.068.870
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		77.107.329.935	80.412.711.872
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.137.872.554.745	1.021.409.093.126
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.178.227.648.377)	(976.483.219.943)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.381.430.000)	(18.882.278.415)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(41.736.523.632)	26.043.594.768
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		113.307.226.191	(2.045.883.813)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.220.973.357	5.265.467.204
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.189.057	1.389.966
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>116.529.388.605</u>	<u>3.220.973.357</u>



Lê Thị Thu Hiền  
Người lập

Hoàng Minh Đức  
Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiệp  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Năm 2025*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 386.386.000.000 VND; tương đương 38.638.600 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 65 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 67 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại và đầu tư.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

## **2.4 . Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

## **2.5 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## **2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## **2.7 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.11 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm



**2.12 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
| - Quyền sử dụng đất      | 05 - 30 năm |

**2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

**2.14 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.15 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí bảo hiểm nhân thọ mua cho cán bộ nhân viên được Công ty phân bổ theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm đã ký kết với Công ty bảo hiểm theo từng cấp độ nhân viên.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

**2.16 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.17 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.18 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.19 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.20 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.21 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.



**2.22 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.23 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**2.24 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



**2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

**2.26 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.27 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.28 . Thông tin bộ phận**

Do hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là hoạt động thương mại và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 . TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	120.506.321	639.287.040
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	116.408.882.284	2.581.686.317
	<u>116.529.388.605</u>	<u>3.220.973.357</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**  
Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
	82.816.843.670	-	93.495.707.177	-
	<b>82.816.843.670</b>	-	<b>93.495.707.177</b>	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 82.816.843.670 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 4,6%/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2025	01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	296.828.213.760	(30.000.000.000)	273.878.213.760	(30.000.000.000)
	30.000.000.000	(30.000.000.000)	30.000.000.000	(30.000.000.000)
	49.628.213.760	-	49.628.213.760	-
	51.050.000.000	-	28.100.000.000	-
	70.950.000.000	-	70.950.000.000	-
	95.200.000.000	-	95.200.000.000	-
	26.447.257.429	(1.447.257.429)	1.447.257.429	(1.447.257.429)
	1.447.257.429	(1.447.257.429)	1.447.257.429	(1.447.257.429)
	25.000.000.000	-	-	-
	59.150.365.573	(5.315.698.646)	59.150.365.573	(5.315.698.646)
	841.102.790	(841.102.790)	841.102.790	(841.102.790)
	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	(3.000.000.000)
	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
	3.621.000.000	(1.474.595.856)	3.621.000.000	(1.474.595.856)
	15.015.124.800	-	15.015.124.800	-
	382.425.836.762	(36.762.956.075)	334.475.836.762	(36.762.956.075)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**Đầu tư vào công ty con**

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn <sup>(1)</sup>	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Thương mại máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng <sup>(2)</sup>	Thành phố Đà Nẵng	49,78%	(2)	Thương mại và cho thuê máy móc, thiết bị
Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại
Công ty Cổ phần Machino An Phú	Tỉnh Hưng Yên	55,00%	55,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH Machino Phú Xuân	Tỉnh Hưng Yên	70,00%	70,00%	Kinh doanh bất động sản

(1) Ngày 31/03/2022, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí đã ban hành Quyết định số 0034/QĐ/MTB-HĐQT về việc giải thể Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn. Đến thời điểm 31/12/2025, Công ty con này đang thực hiện các thủ tục giải thể.

(2) Tuy công ty chỉ nắm giữ 49,78% cổ phần trong Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhưng trong cơ cấu điều hành thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát là đại diện của Công ty nên Công ty có toàn quyền chi phối hoạt động đối với Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	Thương mại máy móc và thiết bị
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đông Kinh	Tỉnh Lạng Sơn	50,00%	50,00%	Kinh doanh bất động sản

**Đầu tư vào đơn vị khác**

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	12,13%	12,13%	Thương mại
Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	Thành phố Hà Nội	8,00%	8,00%	Xây lắp
Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội	Thành phố Hà Nội	8,45%	8,45%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Tỉnh Đồng Nai	1,80%	1,80%	Đóng mới, sửa chữa tàu
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội	Thành phố Hà Nội	3,60%	3,60%	Thương mại và dịch vụ

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>28.815.800.616</b>	<b>(28.287.703.716)</b>	<b>28.332.703.716</b>	<b>(28.287.703.716)</b>
- Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	28.095.879.967	(28.095.879.967)	28.095.879.967	(28.095.879.967)
- Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt	298.246.400	-	45.000.000	-
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	191.823.749	(191.823.749)	191.823.749	(191.823.749)
- Công ty Cổ phần Machino An Phú	229.850.500	-	-	-
<b>Bên khác</b>	<b>335.266.562.932</b>	<b>(155.364.408.856)</b>	<b>338.359.023.228</b>	<b>(157.033.474.560)</b>
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	(33.627.654.160)	33.627.654.160	(33.627.654.160)
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	96.856.865.496	(96.856.865.496)	96.856.865.496	(96.856.865.496)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Ngôi sao Châu Á	1.768.458.536	-	3.504.674.511	-
- Công ty Cổ phần Shaltech	71.167.808.281	-	29.506.670.518	-
- Công ty Cổ phần Nhôm Việt Pháp Shal	24.478.588.603	-	36.239.039.565	-
- Công ty TNHH Nông sản Hồng Nguyên	49.017.839.850	-	69.320.059.470	-
- Phải thu khách hàng khác	58.349.348.006	(24.879.889.200)	69.304.059.508	(26.548.954.904)
	<b>364.082.363.548</b>	<b>(183.652.112.572)</b>	<b>366.691.726.944</b>	<b>(185.321.178.276)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>	<b>147.604.987.638</b>	<b>(1.073.132.968)</b>	<b>79.666.584.808</b>	<b>(1.062.085.000)</b>
- Công ty CP LICOGI 13	8.069.941.826	-	17.307.281.896	-
- Công ty TNHH Công nghiệp M&H	963.600.000	(963.600.000)	963.600.000	(963.600.000)
- Công ty Cổ phần Senka International	2.511.273.956	-	3.908.443.047	-
- Công ty TNHH TM và DV XNK QĐ Việt Nam	19.514.183.040	-	11.067.237.752	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tuấn Phát	-	-	3.485.497.084	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông	-	-	5.003.131.707	-
- Công ty TNHH TM và Dịch vụ XNK Ninh Bình	-	-	20.202.625.460	-
- Công ty TNHH Green Agros	17.522.120.000	-	16.502.085.400	-
- Công ty TNHH Lương thực thực phẩm Sen Vàng	38.608.641.300	-	-	-
- Global Green (Cambodia) Energy Development Co.,LTD	52.690.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH LCD	5.632.621.190	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	2.092.606.326	(109.532.968)	1.226.682.462	(98.485.000)
	<b>147.604.987.638</b>	<b>(1.073.132.968)</b>	<b>79.666.584.808</b>	<b>(1.062.085.000)</b>



7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>						
Cho vay ngắn hạn						
<i>Bên liên quan</i>						
- Công ty Cổ phần Machino Thánh Đạt <sup>(1)</sup>	46.800.000.000	-	29.702.840.000	38.621.420.000	37.881.420.000	-
- Công ty TNHH Machino Phú Xuân <sup>(2)</sup>	46.800.000.000	-	8.200.000.000	27.950.000.000	27.050.000.000	-
- Công ty TNHH Dầu tư và kinh doanh Bất động sản Đồng Kinh <sup>(3)</sup>	-	-	81.000.000	-	81.000.000	-
- Công ty Cổ phần Machino An Phú <sup>(4)</sup>	-	-	6.900.000.000	-	6.900.000.000	-
<i>Bên khác</i>						
- Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp Đình Lập	21.775.000.000	-	14.521.840.000	10.671.420.000	3.850.420.000	-
- Công ty Cổ phần Dầu tư Hasky Hưng Yên	4.400.000.000	-	1.000.000.000	22.775.000.000	-	-
Cho vay dài hạn đến hạn phải thu						
<i>Bên khác</i>						
- Công ty Cổ phần Dầu tư Hasky Hưng Yên	17.375.000.000	-	-	17.375.000.000	-	-
	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	-	-
	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	-	-
	88.575.000.000	-	30.702.840.000	81.396.420.000	37.881.420.000	-
<b>b) Dài hạn</b>						
<i>Bên khác</i>						
- Công ty Cổ phần Dầu tư Hasky Hưng Yên	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	-	-
	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	-	-
	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	-	-
	20.000.000.000	-	-	(20.000.000.000)	-	-
	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-

Khoản đến hạn phải thu trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn phải thu sau 12 tháng

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay:

TT	Hợp đồng cho vay số	Số tiền cho vay	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức bảo đảm	Số dư tại 31/12/2025
		VND					VND
(1)	Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt Các hợp đồng vay giữa Công ty và Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt	Theo từng hợp đồng vay	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Đến hết ngày 31/12/2026	7,5%/năm	Tin chấp	27.050.000.000 27.050.000.000
(2)	Công ty TNHH Machino Phú Xuân 06/HĐVT/2025/PVM-MPX ngày 29/12/2025	81.000.000	Phục vụ sản xuất kinh doanh	90 ngày kể từ ngày chuyển tiền cho vay	1.6%/năm	Tin chấp	81.000.000 81.000.000
(3)	Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Đông Kinh Các hợp đồng vay giữa Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Đông Kinh	6.900.000.000	Phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày chuyển tiền cho vay	7,5%/năm	Tin chấp	6.900.000.000 6.900.000.000
(4)	Công ty Cổ phần Machino An Phú Các hợp đồng vay giữa Công ty và Công ty Cổ phần Machino An Phú	14.521.840.000	Phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày chuyển tiền cho vay	1.6%/năm	Tin chấp	3.850.420.000 3.850.420.000



**8 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.034.769.403	-	7.499.843.546	-
Tạm ứng	258.654.490	-	81.731.063.244	-
Ký cược, ký quỹ	12.615.396	-	12.881.214	-
Phải thu các hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	52.300.000.000	-
Phải thu khác	16.490.878.441	(177.000.000)	424.380.077	-
	<u>33.796.917.730</u>	<u>(177.000.000)</u>	<u>141.968.168.081</u>	<u>-</u>
<i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
Ông Phan Trung Nghĩa	-	-	2.500.000.000	-
Ông Chu Thành Nam	-	-	4.900.000.000	-
Ông Nguyễn Hồng Hà	-	-	4.126.235.340	-
Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Đông Đô	-	-	37.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla	-	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Công nghệ Ecotech Việt Nam (*)	14.941.522.360	-	-	-
Công ty Cổ phần LICOI 13	9.173.334.410	-	-	-
Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt	5.730.794.526	-	2.161.828.769	-
Phải thu các đối tượng khác	3.951.266.434	(177.000.000)	75.980.103.972	-
	<u>33.796.917.730</u>	<u>(177.000.000)</u>	<u>141.968.168.081</u>	<u>-</u>

**b) Dài hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh An Phú Hưng	-	-	36.000.000.000	-
	<u>1.600.000.000</u>	<u>-</u>	<u>37.600.000.000</u>	<u>-</u>

**c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan**

Ông Phan Trung Nghĩa	-	-	2.500.000.000	-
Ông Lương Văn Hòa	-	-	4.950.000.000	-
Ông Chu Thành Nam	-	-	4.900.000.000	-
Ông Nguyễn Hồng Hà	-	-	4.126.235.340	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt	5.730.794.526	-	2.161.828.769	-
	<u>6.330.794.526</u>	<u>-</u>	<u>19.238.064.109</u>	<u>-</u>

(\*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty (PVM - Bên A) và Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Công nghệ ECOTECH Việt Nam (Ecotech - Bên B), căn cứ theo Hợp đồng số 01/2025/HĐHTKD/PVM-ECOTECH ký ngày 14/07/2025 với các điều khoản sau:

- Mục tiêu: Hai bên hợp tác kinh doanh để nhập khẩu, vận chuyển quặng sắt từ Lào về bán tại thị trường Việt Nam;
- Tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận: tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ 50/50 dựa trên quyết toán phương án kinh doanh cụ thể;
- Khách hàng chính: Tập đoàn Hòa Phát (cụ thể là Nhà máy thép Hòa Phát Hải Dương);
- Trách nhiệm của các bên: Bên A (PVM): Chịu trách nhiệm góp vốn đúng hạn; tham gia tìm kiếm nguồn hàng, đơn vị vận tải và khách hàng; cùng Bên B kiểm soát chất lượng, thực hiện thủ tục thông quan và nghiệm thu thanh toán. Bên B (Ecotech): Chịu trách nhiệm chính trong việc tìm kiếm, thẩm định và ký kết hợp đồng với nhà cung cấp, đơn vị vận chuyển và khách hàng; chủ trì thương thảo hợp đồng; xác nhận khối lượng, chất lượng và hồ sơ thanh toán;
- Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 25/06/2025 đến hết ngày 30/12/2026.

**9 . NỢ XẤU**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng <sup>(1)</sup>	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar <sup>(2)</sup>	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160
- Công ty TNHH MTV Máy Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	28.095.879.967	-	28.095.879.967	-
- Các khoản khác	26.321.845.917	26.321.845.917	30.038.857.907	30.038.857.907
	<u>184.902.245.540</u>	<u>156.806.365.573</u>	<u>188.619.257.530</u>	<u>160.523.377.563</u>

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định căn cứ trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng có thể thu hồi được các khoản công nợ này. Tuy nhiên, để đảm bảo thận trọng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ xấu kể trên.

**Thông tin về một số khoản nợ xấu có giá trị lớn:**

(1) Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng số tiền 96.856.865.496 VND. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này tuy nhiên vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp thu hồi khoản công nợ.

(2) Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar số tiền 33.627.654.160 VND. Công ty đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, là bên bảo lãnh thực hiện thanh toán cho Vina Megastar tại Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm (nay là phường Hoàn Kiếm), để đảm bảo thận trọng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này.

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.190.732.289	-	1.854.253.800	-
Hàng hoá	15.705.748.362	-	17.576.694.264	-
Trong đó:				
- Hàng hóa bất động sản	8.646.715.202	-	-	-
- Hàng hóa	7.059.033.160	-	17.576.694.264	-
	<u>21.896.480.651</u>	<u>-</u>	<u>19.430.948.064</u>	<u>-</u>



11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	17.025.853.672	2.399.986.612	8.845.816.905	387.886.545	161.200.000	28.820.743.734
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.746.209.905)	-	-	(1.746.209.905)
Số dư cuối năm	17.025.853.672	2.399.986.612	7.099.607.000	387.886.545	161.200.000	27.074.533.829
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.763.599.124	703.792.239	6.499.177.814	365.608.822	139.966.673	12.472.144.672
- Khấu hao trong năm	678.097.032	240.023.292	430.924.380	9.581.820	21.233.327	1.379.859.851
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.746.209.905)	-	-	(1.746.209.905)
Số dư cuối năm	5.441.696.156	943.815.531	5.183.892.289	375.190.642	161.200.000	12.105.794.618
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	12.262.254.548	1.696.194.373	2.346.639.091	22.277.723	21.233.327	16.348.599.062
Tại ngày cuối năm	11.584.157.516	1.456.171.081	1.915.714.711	12.695.903	-	14.968.739.211

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.315.323.964 VND.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2025 lần lượt là 699.165.000 VND và 639.010.161 VND, khấu hao trong năm là 50.400.000 VND. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 547.965.000 VND.



**13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**  
Bất động sản đầu tư cho thuê

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	7.513.200.000	15.292.742.940
Số dư cuối năm	<u>7.779.542.940</u>	<u>7.513.200.000</u>	<u>15.292.742.940</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	7.513.200.000	15.292.742.940
Số dư cuối năm	<u>7.779.542.940</u>	<u>7.513.200.000</u>	<u>15.292.742.940</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Bất động sản đầu tư của Công ty là 23.600 m<sup>2</sup> đất tại thôn Dục Nội, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng lại của đối tác từ năm 2012 có thời hạn 20 năm từ ngày 07/12/1996. Từ năm 2017, Công ty tiếp tục sử dụng diện tích đất này theo hình thức đất thuê trả tiền hàng năm với mục đích cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	5.173.484
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	142.393.130	23.772.441
	<u>142.393.130</u>	<u>28.945.925</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	63.095.437	81.216.057
Chi phí sửa chữa văn phòng	213.229.001	1.266.725.094
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	4.842.962.243	6.134.418.851
	<u>5.119.286.681</u>	<u>7.482.360.002</u>

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>Bên khác</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Farmington	-	-	3.532.902.020	3.532.902.020
Công ty Cổ phần Xây lắp 1 - Petrolimex	2.789.092.560	2.789.092.560	2.789.092.560	2.789.092.560
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	1.498.441.178	1.498.441.178	1.498.441.178	1.498.441.178
Công TNHH Sản xuất kinh doanh thương mại Bảo Linh	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	7.778.302.729	7.778.302.729	5.520.828.335	5.520.828.335
	<b>13.565.836.467</b>	<b>13.565.836.467</b>	<b>13.341.264.093</b>	<b>13.341.264.093</b>

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Lắp máy Dầu khí	1.009.800.000	1.009.800.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư công nghệ Ecotech Việt Nam	14.946.697.367	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	9.577.091.520	-
Người mua trả tiền trước khác	343.231.365	288.158.357
	<b>25.876.820.252</b>	<b>1.297.958.357</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**  
Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	440.943.022	-	1.480.490.359	795.771.703	-	243.775.634
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	12.590.867.978	-	12.714.715.469	123.847.491	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	944.160.639	1.949.097.315	2.952.931.229	59.673.275	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	135.000.000	-	3.806.317.696	304.237.215	-	3.367.080.481
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.993.920.508	636.724.188	3.592.332.112	-	38.312.584
	<b>575.943.022</b>	<b>16.528.949.125</b>	<b>7.872.629.558</b>	<b>20.359.987.728</b>	<b>183.520.766</b>	<b>3.649.168.699</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	299.149.381	281.348.837
- Chi phí lãi chậm trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2.805.951.741	1.556.612.566
- Chi phí thuế đất phải trả	921.892.800	-
- Chi phí phải trả khác	210.000.000	210.000.000
	<b>4.236.993.922</b>	<b>2.047.961.403</b>

**Trong đó: Chi phí phải trả với bên liên quan**

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	10.479.452	22.006.849
	<b>10.479.452</b>	<b>22.006.849</b>



**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<b>Chi tiết theo nội dung</b>		
- Kinh phí công đoàn	25.150.000	212.980.000
- Bảo hiểm xã hội	580.906.546	-
- Bảo hiểm y tế	35.387.072	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.656.698	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	46.803.846.000	22.868.846.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	26.081.816.730	4.280.086.730
- Phải trả lãi vay	2.553.265.903	2.171.739.173
- Phải trả theo quyết định của tòa án (1)	25.000.000.000	22.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.142.026.000	204.155.829
	<b>102.234.054.949</b>	<b>51.737.807.732</b>
<b>Chi tiết theo đối tượng</b>		
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam(1)	25.000.000.000	22.000.000.000
- Công ty TNHH Nông sản Hồng Nguyên (2)	45.000.000.000	21.500.000.000
- Đối tượng khác	32.234.054.949	8.237.807.732
	<b>102.234.054.949</b>	<b>51.737.807.732</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (1)	13.261.547.264	25.261.547.264
	<b>13.261.547.264</b>	<b>25.261.547.264</b>
<b>Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
- Công ty TNHH Machino Phú Xuân	2.002.470.329	1.592.641.639
- Công ty Cổ phần Machino An Phú	550.795.574	579.097.534
	<b>2.553.265.903</b>	<b>2.171.739.173</b>

(1) Khoản nợ phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) theo quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên xét xử phúc thẩm ngày 19/10/2023. Theo đó, Công ty đồng ý trả số tiền 52.261.547.264 VND và tiền lãi cho Agribank theo lộ trình 05 năm kể từ năm 2023 đến năm 2027. Trong năm 2025, Công ty đã thanh toán cho Agribank 9 tỷ VND.

(2) Khoản đặt cọc theo thỏa thuận hợp tác giữa Công ty và Công ty TNHH Nông sản Hồng Nguyên nhằm đảm bảo giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa nông sản giữa 02 bên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**20 . VAY**

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>264.729.615.019</b>	<b>264.729.615.019</b>	<b>1.137.872.554.745</b>	<b>1.173.227.648.377</b>	<b>229.374.521.387</b>	<b>229.374.521.387</b>
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(1)</sup>	89.758.986.800	89.758.986.800	692.070.750.000	698.787.736.800	83.042.000.000	83.042.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(2)</sup>	83.368.277.851	83.368.277.851	126.656.026.614	205.472.304.465	4.552.000.000	4.552.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm <sup>(3)</sup>	63.852.350.368	63.852.350.368	218.901.298.131	166.926.027.112	115.827.621.387	115.827.621.387
- Công ty Cổ phần Machino An Phú	6.550.000.000	6.550.000.000	2.228.580.000	8.778.580.000	-	-
- Công ty TNHH Machino Phú Xuân	21.200.000.000	21.200.000.000	34.650.000.000	55.850.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội <sup>(4)</sup>	-	-	58.365.900.000	37.413.000.000	20.952.900.000	20.952.900.000
- Vay cá nhân <sup>(5)</sup>	-	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên (Bên liên quan) <sup>(6)</sup>	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
	<b>269.729.615.019</b>	<b>269.729.615.019</b>	<b>1.142.872.554.745</b>	<b>1.178.227.648.377</b>	<b>234.374.521.387</b>	<b>234.374.521.387</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên (Bên liên quan) <sup>(6)</sup>	11.250.000.000	11.250.000.000	-	5.000.000.000	6.250.000.000	6.250.000.000
	<b>11.250.000.000</b>	<b>11.250.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>6.250.000.000</b>	<b>6.250.000.000</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)	5.000.000.000	5.000.000.000	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>6.250.000.000</b>	<b>6.250.000.000</b>			<b>1.250.000.000</b>	<b>1.250.000.000</b>

Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn

STT	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/ Số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025 (VND)
1	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng Hợp đồng cấp tín dụng số 282902.25.065.5974 02.TD ngày 10/03/2025	130.000.000.000	Lãi suất được xác định tại văn bản nhận nợ theo từng lần giải ngân và Thỏa thuận chung, Hợp đồng tín dụng	Kể từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 19/02/2026	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thế chấp hàng hoá và quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 191118.24.065.597402.BD ngày 04/03/2024 giữa Ngân hàng và Công ty; Quyền đòi nợ theo Hợp đồng số 2512.2024/HDMB/PVM-HN ngày 25/12/2024, Hợp đồng số 0801.2025/HDMB/PVM-HN ngày 08/01/2025, Hợp đồng số 1701.2025/HDMB/PVM-HN ngày 17/01/2025, Hợp đồng số 2001.2025/HDMB/PVM-HN ngày 20/01/2025, Hợp đồng số 0701.2025/HDMB/PVM-HN ngày 07/01/2025; Hàng hoá và quyền đòi nợ theo Hợp đồng số 2301.2025/HDMB/PVM-HN ngày 23/01/2025; tiền gửi tiết kiệm tài khoản số 3473935113788, 1083772070807, 0208857221904, Hợp đồng tiền gửi số 5091.24.065.597402 do Ngân hàng phát hành cho Công ty	83.042.000.000 83.042.000.000
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/339/HĐTD ngày 22/09/2025	60.000.000.000	Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ	12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng hạn mức	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	Các hợp đồng cầm cố/thế chấp/ bảo lãnh/ký quỹ hoặc các hợp đồng thỏa thuận khác được giao kết giữa Ngân hàng và khách hàng. Đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ	4.552.000.000 4.552.000.000



Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm							115.827.621.387
3	Hợp đồng cho vay hạn mức số 174HTTD/2025-HĐCVHM/NHCT1 22-MAYTBDAUKHI ngày 25/08/2025	100.000.000.000 VND và các phụ lục hợp đồng bổ sung	Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ	Từ ngày 25/08/2025 đến hết ngày 31/07/2026	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	Các hợp đồng cam kết bảo lãnh/Hợp đồng đảm bảo mà Bên Vay và/hoặc Tổ chức/Cá nhân khác giao kết với Bên Cho Vay và/hoặc các biện pháp đảm bảo khác.	115.827.621.387
4	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội						20.952.900.000
	Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0287/2025/HĐHM-PN/SHB.110200 ngày 20/08/2025	135.000.000.000	Lãi suất xác định theo từng Khế ước nhận nợ	12 tháng (từ ngày 20/08/2025 đến hết ngày 20/08/2026)	Bổ sung vốn lưu động và tài trợ vốn thanh toán LC nhập khẩu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Bất động sản, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, tiền ký quỹ, giấy tờ có giá và quyền đòi nợ đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai phát sinh từ các hợp đồng vay	20.952.900.000
5	Vay cá nhân						5.000.000.000
	Hợp đồng cho vay số 01/HĐVT/2025/PV M-TVN	5.000.000.000	Lãi suất 7%/năm	06 tháng kể từ ngày 31/10/2025	Sử dụng các mục đích không vi phạm pháp luật	Tin chấp	5.000.000.000

Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn

STT	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/ số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025 (VND)
6	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	15.000.000.000	Lãi suất vay: 12,8%/năm cho 3 tháng đầu; Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, biến độ dao động 3,8%/năm. Lãi suất hiện tại là 11,9%/năm	36 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ	Cho vay bồi hoàn các chi phí đầu tư để Thực hiện dự án "Cải tạo, sửa chữa nhà B số 8 Trảng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội"	Tin chấp	6.250.000.000 6.250.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	386.386.000.000	18.763.147.666	138.138.002.958	543.287.150.624
Lãi trong năm trước		-	51.156.277.298	51.156.277.298
Phân phối lợi nhuận		-	(23.819.300.000)	(23.819.300.000)
Số dư cuối năm trước	386.386.000.000	18.763.147.666	165.474.980.256	570.624.127.922
Số dư đầu năm nay	386.386.000.000	18.763.147.666	165.474.980.256	570.624.127.922
Lãi trong năm nay		-	37.099.987.199	37.099.987.199
Phân phối lợi nhuận (*)		-	(27.683.160.000)	(27.683.160.000)
Số dư cuối năm nay	386.386.000.000	18.763.147.666	174.891.807.455	580.040.955.121

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 0036/NQ/MTB-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.000.000.000
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	1.500.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 6% vốn điều lệ)	23.183.160.000

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Bà Nguyễn Anh Thu	16,91	65.351.000.000	16,91	65.351.000.000
Bà Lê Thị Kiều Vân	18,12	70.000.000.000	18,12	70.000.000.000
Các cổ đông khác	64,97	251.035.000.000	64,97	251.035.000.000
	100	386.386.000.000	100	386.386.000.000



**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp cuối năm	386.386.000.000	386.386.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	4.280.086.730	3.843.065.145
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	23.183.160.000	19.319.300.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	23.183.160.000	19.319.300.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(1.381.430.000)	(18.882.278.415)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(1.381.430.000)	(18.882.278.415)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	26.081.816.730	4.280.086.730

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.763.147.666	18.763.147.666
	18.763.147.666	18.763.147.666

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo các hợp đồng cho thuê tại vị trí số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội với đơn giá và thời hạn cho thuê được quy định theo từng hợp đồng ký kết với đối tác.

Ngoài ra, Công ty có các hợp đồng cho thuê hoạt động hàng năm với các đối tác tại thôn Dục Nội, xã Đông Anh, Thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích cho thuê kho. Trong đó, đơn giá và thời hạn cho thuê được quy định theo từng hợp đồng ký kết với đối tác.

**b) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty đang sử dụng diện tích đất 1.202,5 m<sup>2</sup> tại số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và 23.600 m<sup>2</sup> đất tại thôn Dục Nội, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm được sử dụng với mục đích kinh doanh và làm trụ sở văn phòng. Công ty đang làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất với các bên có liên quan và tiếp tục nộp tiền thuê đất hàng năm cho các lô đất này theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

**c) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.277,98	1.479,58

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.136.264.979.005	1.065.180.421.619
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.908.561.068	9.606.683.523
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản đầu tư	-	104.088.945.187
Doanh thu hợp đồng xây dựng	(8.712.148)	543.780.000
	<b>1.148.164.827.925</b>	<b>1.179.419.830.329</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	-	<b>40.909.091</b>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.119.377.981.708	1.045.377.911.657
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.973.051.630	6.077.314.860
Chi phí chuyển nhượng bất động sản đầu tư	-	98.764.372.916
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-	570.000.000
	<b>1.125.351.033.338</b>	<b>1.150.789.599.433</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	17.598.140.285	9.185.303.193
Lãi bán các khoản đầu tư	-	18.048.721.644
Cổ tức, lợi nhuận được chia	55.621.672.000	51.240.840.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	72.407	480.049.002
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.189.057	943.515.475
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.420.000.000	-
	<b>76.641.073.749</b>	<b>79.898.429.314</b>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	<b>3.666.623.801</b>	<b>7.581.862.791</b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	14.867.137.556	15.493.707.393
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.015.592.412	33.918.782
Chi phí tài chính khác	-	23.364
	<b>15.882.729.968</b>	<b>15.527.649.539</b>
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	<b>1.395.302.351</b>	<b>2.858.702.104</b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	221.693.588	446.298.300
Chi phí nhân công	4.136.827.424	5.744.188.010
Chi phí khấu hao tài sản cố định	380.725.780	387.926.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.807.843.588	5.556.497.143
Chi phí khác bằng tiền	859.712.524	2.185.804.384
	<b>7.406.802.904</b>	<b>14.320.713.982</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.267.850.323	1.391.763.172
Chi phí nhân công	20.291.068.985	19.112.199.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.049.534.071	1.066.042.506
Thuế, phí, lệ phí	1.066.215.167	1.730.136.526
Hoàn nhập dự phòng	(1.481.017.736)	(2.775.112.900)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.329.612.236	4.350.827.645
Chi phí khác bằng tiền	5.397.606.900	5.070.981.526
	<b>31.920.869.946</b>	<b>29.946.838.473</b>



**29 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	439.179.000	-
Tiền phạt thu được	151.309.424	18.101.554.490
Thu nhập khác	74.124.444	9.556.743
	<b>664.612.868</b>	<b>18.111.111.233</b>
Trong đó: Thu từ bên liên quan bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	<b>439.179.000</b>	<b>-</b>

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	151.312.307	427.304.748
Các khoản bị phạt thuế	603.975.275	3.012.946.713
Chi phí tài trợ Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Lạng Sơn	1.818.181.818	8.000.000.000
Tiền lãi chậm trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	1.249.339.175	1.556.612.566
Chi phí khác	3.986.282.612	15.826.975
	<b>7.809.091.187</b>	<b>13.012.691.002</b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.099.987.199	51.300.953.653
Các khoản điều chỉnh tăng	9.289.599.985	12.145.334.504
- Chi phí không hợp lệ	9.289.599.985	12.145.334.504
Các khoản điều chỉnh giảm	(55.622.861.057)	(52.184.355.475)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(55.621.672.000)	(51.240.840.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(1.189.057)	(943.515.475)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(9.233.273.873)	11.261.932.682
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>2.252.386.536</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	(82.970.346)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	12.590.867.978	13.096.184.807
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(12.714.715.469)	(2.674.733.019)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>(123.847.491)</b>	<b>12.590.867.978</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	-	2.530.924.794
Thu nhập tính thuế TNDN	-	2.530.924.794
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>506.184.959</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(506.184.959)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	2.675.601.149
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>(123.847.491)</b>	<b>12.590.867.978</b>

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động thương mại, chiếm hơn 90% doanh thu hoạt động của Công ty. Vì vậy, Công ty không thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, do đã thuyết minh các yếu tố của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Thuyết minh số 27 và Thuyết minh số 28.

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>				
Tiền	116.408.882.284	-	-	116.408.882.284
Phải thu khách hàng, phải thu khác	214.050.168.706	1.600.000.000	-	215.650.168.706
Các khoản cho vay	120.698.263.670	-	-	120.698.263.670
	<b>451.157.314.660</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>452.757.314.660</b>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>				
Tiền	2.581.686.317	-	-	2.581.686.317
Phải thu khách hàng, phải thu khác	323.338.716.749	37.600.000.000	-	360.938.716.749
Các khoản cho vay	182.070.707.177	-	-	182.070.707.177
	<b>507.991.110.243</b>	<b>37.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>545.591.110.243</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>				
Vay và nợ	234.374.521.387	1.250.000.000	-	235.624.521.387
Phải trả người bán, phải trả khác	115.799.891.416	13.261.547.264	-	129.061.438.680
Chi phí phải trả	4.236.993.922	-	-	4.236.993.922
	<b>354.411.406.725</b>	<b>14.511.547.264</b>	<b>-</b>	<b>368.922.953.989</b>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>				
Vay và nợ	269.729.615.019	6.250.000.000	-	275.979.615.019
Phải trả người bán, phải trả khác	65.079.071.825	25.261.547.264	-	90.340.619.089
Chi phí phải trả	2.047.961.403	-	-	2.047.961.403
	<b>336.856.648.247</b>	<b>31.511.547.264</b>	<b>-</b>	<b>368.368.195.511</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo các Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 12/01/2026 và 30/01/2026 về việc mua thêm cổ phần tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt và góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đông Kinh. Theo đó:

- Đối với Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt: Số cổ phần mua thêm 4.305.000 cổ phần tương ứng 10.000 đồng/cổ phần nâng tỷ lệ nắm giữ của Công ty tại Công ty con này lên 94.05%;
- Đối với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đông Kinh góp vốn bổ sung thêm 25.000.000.000 đồng nâng tổng giá trị đầu tư vào Công ty này lên 50.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.



**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Công ty con
Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt	Công ty con
Công ty Cổ phần Machino An Phú	Công ty con
Công ty TNHH Machino Phú Xuân	Công ty con
Công ty Cổ phần Môi trường Thành Đạt Bắc Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt Thái Bình	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Môi trường Thành Đạt Quỳnh Côi	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh BĐS Đồng Kinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Hasky Hưng Yên	Công ty liên kết đến ngày 06/12/2024
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển nhà ở Nguyễn Xá	Công ty liên kết đến ngày 10/09/2024
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội -Chi nhánh Hàn Thuyên	Ông Đặng Văn Thân - Giám đốc chi nhánh ngân hàng, đồng thời là chủ tịch HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội	Ông Phạm Văn Hiệp thành viên HĐQT, giám đốc Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty này
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh-Thành viên HĐQT Công ty đồng thời là phó Giám đốc khối ngân hàng doanh nghiệp của ngân hàng này



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	-	<b>40.909.091</b>
Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt	-	40.909.091
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>1.395.302.351</b>	<b>2.858.702.104</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	969.133.560	1.062.584.712
Công ty Cổ phần Machino An Phú	16.333.832	461.314.657
Công ty TNHH Machino Phú Xuân	409.834.959	1.334.802.735
<b>Nhận cổ tức</b>	-	<b>2.090.840.000</b>
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	-	2.090.840.000
<b>Lãi tiền gửi, lãi cho vay</b>	<b>3.666.623.801</b>	<b>5.491.022.791</b>
Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt	3.568.965.757	2.145.390.413
Công ty Cổ phần Đầu tư Hasky Hưng Yên	-	3.340.027.397
Công ty Cổ phần Machino An Phú	44.635.792	-
Công ty TNHH Machino Phú Xuân	6.269	-
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh BĐS Đông Kinh	52.980.822	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển nhà ở Nguyễn Xá	-	5.589.049
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	35.161	15.932
<b>Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định</b>	<b>439.179.000</b>	-
Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt	230.224.000	-
Công ty Cổ phần Machino An Phú	208.955.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>		
Đặng Văn Thân - Chủ tịch HĐQT	462.000.000	187.473.684
Vũ Đức Tiến - Chủ tịch HĐQT	-	330.526.316
Nguyễn Minh Tuấn - Ủy viên HĐQT	872.000.000	728.000.000
Vương Hoàng Thăng - Ủy viên HĐQT	442.000.000	281.000.000
Tổng Thị Điệp - Ủy viên HĐQT	223.428.571	251.000.000
Nguyễn Thị Hoài Thanh - Ủy viên HĐQT	183.571.429	-
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý khác</b>		
Phạm Văn Hiệp - Tổng Giám đốc	1.795.000.000	1.587.000.000
Phan Trung Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc	-	611.000.000
Nguyễn Hồng Hà - Phó Tổng Giám đốc	-	611.000.000
Chu Thành Nam - Phó Tổng Giám đốc	835.881.000	698.000.000
Phạm Thị Mỹ Hương - Phó Tổng giám đốc	840.000.000	634.000.000
Lương Văn Hòa - Phó Tổng Giám đốc	840.500.000	135.878.947
Hoàng Minh Đức - Kế toán trưởng	791.238.095	658.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Thu nhập của Ban kiểm soát**

Lê Thị Kiều Vân - Trưởng Ban Kiểm soát	374.970.000	261.000.000
Phạm Thị Hải An - Thành viên Ban Kiểm soát	109.619.048	155.000.000
Hà Thị Thanh Hậu - Thành viên Ban Kiểm soát	182.000.000	155.000.000
Nguyễn Lệ Thuý - Thành viên Ban Kiểm soát	77.380.952	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lê Thị Thu Hiền  
Người lập

Hoàng Minh Đức  
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hiệp  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025  
(đã được kiểm toán)



## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-55
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-55



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Văn Thân	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Hiệp	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên	
Ông Vương Hoàng Thắng	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2025
Bà Tống Thị Diệp	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Lương Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Mỹ Hương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Kiều Vân	Trưởng ban	
Bà Hà Thị Thanh Hậu	Thành viên	
Bà Nguyễn Lê Thùy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2025
Bà Phạm Thị Hải An	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2025

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Phạm Văn Hiệp - Tổng Giám đốc.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Phạm Văn Hiệp**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 25 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 55, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

---

**Ngô Hoàng Hà**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2023-002-1

*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026*



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		948.690.122.607	961.456.920.347
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	4	200.943.947.820	21.075.174.063
111	1. Tiền		200.943.947.820	21.075.174.063
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	5	106.801.855.670	112.095.707.177
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		106.801.855.670	112.095.707.177
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		577.078.533.591	744.277.933.272
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	414.472.400.396	381.300.553.451
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	153.610.743.799	84.916.208.971
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	61.868.929.200	221.469.807.685
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	125.923.573.580	236.869.494.285
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(178.797.113.384)	(180.278.131.120)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	11	60.084.862.250	78.084.125.290
141	1. Hàng tồn kho		60.535.067.401	78.789.190.790
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(450.205.151)	(705.065.500)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		3.780.923.276	5.923.980.545
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	1.186.249.432	3.135.787.142
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.119.549.580	2.174.038.806
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	475.124.264	614.154.597
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		289.922.616.997	194.390.095.664
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		1.600.000.000	37.600.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	1.600.000.000	37.600.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		149.238.538.653	70.148.377.477
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	137.461.693.697	57.964.437.933
222	- Nguyên giá		180.883.690.858	95.299.521.463
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(43.421.997.161)	(37.335.083.530)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	11.776.844.956	12.183.939.544
228	- Nguyên giá		14.950.865.814	14.950.865.814
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.174.020.858)	(2.766.926.270)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	15	-	-
231	- Nguyên giá		15.292.742.940	15.292.742.940
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.292.742.940)	(15.292.742.940)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	12	52.718.444.503	22.281.555.332
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		51.813.604.287	22.281.555.332
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		904.840.216	-
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	5	78.834.666.927	53.834.666.927
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		25.000.000.000	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		59.150.365.573	59.150.365.573
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(5.315.698.646)	(5.315.698.646)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		7.530.966.914	10.525.495.928
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	7.530.966.914	10.525.495.928
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.238.612.739.604</b>	<b>1.155.847.016.011</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>533.134.519.103</b>	<b>468.110.052.755</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>512.417.058.866</b>	<b>431.344.607.518</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	24.557.080.649	17.885.056.210
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	28.461.758.926	3.390.881.094
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	6.210.327.465	18.165.875.745
314	4. Phải trả người lao động		8.028.432.950	6.394.860.069
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	8.399.752.777	2.141.771.229
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.898.344.832	1.554.484.992
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	101.712.104.011	50.987.381.001
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	329.081.222.901	326.265.506.094
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.068.034.355	4.558.791.084
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>20.717.460.237</b>	<b>36.765.445.237</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	13.261.547.264	25.261.547.264
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	7.455.912.973	11.503.897.973
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>705.478.220.501</b>	<b>687.736.963.256</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23</b>	<b>705.478.220.501</b>	<b>687.736.963.256</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		386.386.000.000	386.386.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.920.978.074	18.920.978.074
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		153.302.548.542	146.874.730.711
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		118.962.573.949	94.128.539.340
421b	LNST chưa phân phối năm nay		34.339.974.593	52.746.191.371
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		146.868.693.885	135.555.254.471
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.238.612.739.604</b>	<b>1.155.847.016.011</b>

*[Signature]*



Lê Thị Thu Hiền  
Người lập

Hoàng Minh Đức  
Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiệp  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	1.900.648.478.497	1.906.809.941.716
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.900.648.478.497	1.906.809.941.716
11	4. Giá vốn hàng bán	26	1.796.394.944.613	1.819.792.585.810
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		104.253.533.884	87.017.355.906
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	78.124.793.105	79.312.160.089
22	7. Chi phí tài chính	28	19.734.966.150	17.581.557.746
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		18.719.278.927	17.547.615.600
25	9. Chi phí bán hàng	29	90.501.900.759	68.235.593.485
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	42.154.437.086	37.450.579.595
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		29.987.022.994	43.061.785.169
31	12. Thu nhập khác	31	11.876.983.792	30.630.991.709
32	13. Chi phí khác	32	8.135.724.910	13.152.408.352
40	14. Lợi nhuận khác		3.741.258.882	17.478.583.357
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		33.728.281.876	60.540.368.526
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	106.720.524	4.577.125.866
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		33.621.561.352	55.963.242.660
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		34.339.974.593	52.746.191.371
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(718.413.241)	3.217.051.289
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		889	1.365

*(Chữ ký)*

*(Chữ ký)*



Lê Thị Thu Hiền  
Người lập

Hoàng Minh Đức  
Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiệp  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		33.728.281.876	60.540.368.526
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.577.211.999	5.075.629.513
03	- Các khoản dự phòng		(1.735.878.085)	(2.608.176.400)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.189.057)	(943.515.475)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(74.623.813.434)	(77.888.595.612)
06	- Chi phí lãi vay		18.719.278.927	17.547.615.600
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(17.336.107.774)	1.723.326.152
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		76.805.214.153	(45.796.908.657)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(10.808.076.480)	75.114.117.926
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		56.200.641.933	(141.479.847.363)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4.944.066.724	(578.325.663)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(18.688.724.831)	(17.811.061.402)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.202.202.514)	(4.860.633.797)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.461.144.416)	(5.461.144.416)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		71.453.666.795	(139.150.477.220)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.337.743.013)	(10.874.186.251)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(48.023.634.300)	(153.624.368.883)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		212.918.364.292	4.040.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(117.964.699.579)	(15.015.124.800)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	118.530.000.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		74.991.633.498	52.443.830.958
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		112.583.920.898	(4.499.848.976)



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.699.994.230.584	1.651.343.047.203
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.701.226.498.777)	(1.489.412.640.116)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.937.734.800)	(20.851.936.815)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.170.002.993)	141.078.470.272
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		179.867.584.700	(2.571.855.924)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		21.075.174.063	23.645.640.021
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.189.057	1.389.966
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	200.943.947.820	21.075.174.063

*[Signature]*

*[Signature]*



Lê Thị Thu Hiền  
Người lập

Hoàng Minh Đức  
Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiệp  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2025

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 06 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 386.386.000.000 VND; tương đương 38.638.600 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 65 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 67 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và đầu tư.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng.

#### Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn <sup>(1)</sup>	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Thương mại máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng <sup>(2)</sup>	Thành phố Đà Nẵng	49,78%	(2)	Thương mại máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
Công ty Cổ phần Machino An Phú	Tỉnh Hưng Yên	55,00%	55,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH Machino Phú Xuân	Tỉnh Hưng Yên	70,00%	70,00%	Kinh doanh bất động sản

(1) Ngày 31/03/2022, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí đã ban hành Quyết định số 0034/QĐ/MTB-HĐQT về việc giải thể Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn. Đến thời điểm 31/12/2025, Công ty con này đang thực hiện các thủ tục giải thể.

(2) Tuy công ty chỉ nắm giữ 49,78% cổ phần trong Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhưng trong cơ cấu điều hành thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát là đại diện của Công ty nên Công ty có toàn quyền chi phối hoạt động đối với Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

- Công ty có các công ty con gián tiếp được hợp nhất vào báo cáo tài chính thông qua Công ty con - Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt tại thời điểm 31/12/2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần môi trường Thành Đạt Quỳnh Côi	Tỉnh Hưng Yên	85,00%	85,00%	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại
Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt Thái Bình	Tỉnh Hưng Yên	85,00%	85,00%	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại
Công ty Cổ phần môi trường Thành Đạt Bắc Giang	Tỉnh Bắc Ninh	85,00%	85,00%	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.



**2.4 . Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

**2.5 . Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.



Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## **2.7 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu năm báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các năm trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu năm báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong năm, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết năm báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.



**2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.11 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

### 2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Quyền sử dụng đất	05 - 30 năm

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

### 2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

### 2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.15 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

**2.16 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí bảo hiểm nhân thọ mua cho cán bộ nhân viên được Công ty phân bổ theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm đã ký kết với Công ty bảo hiểm theo từng cấp độ nhân viên.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

**2.17 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.18 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.19 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.20 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thuê nhà, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



## **2.21 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

## **2.22 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

## **2.23 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.24 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



**2.25 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp****a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

**2.27 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.28 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.29 . Thông tin bộ phận**

Do hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là hoạt động thương mại và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 . HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN****Mua Công ty con gián tiếp tại Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt**

Vào ngày 19 tháng 11 năm 2025, Công ty con - Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt đã hoàn tất việc đầu tư 85% cổ phần vào 03 Công ty: Công ty Cổ phần Môi trường Thành Đạt Quỳnh Côi, Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt Thái Bình, Công ty Cổ phần Môi trường Thành Đạt Bắc Giang cho mục đích mở rộng kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Tổng giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của 03 Công ty trên vào ngày hợp nhất kinh doanh, lãi giao dịch mua rẻ phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh như sau:

**a) Tại Công ty Cổ phần Môi trường Thành Đạt Quỳnh Côi**

Diễn giải	Giá trị ghi sổ tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát	Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát
<b>Tài sản</b>			
Các khoản phải thu ngắn hạn	5.440.708.592	-	5.440.708.592
Hàng tồn kho	22.427.497	-	22.427.497
Tài sản ngắn hạn khác	73.846.510	-	73.846.510
Tài sản cố định hữu hình	15.547.791.494	-	15.547.791.494
<b>Cộng tài sản</b>	<b>21.084.774.093</b>	<b>-</b>	<b>21.084.774.093</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ ngắn hạn	1.084.774.093	-	1.084.774.093
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>1.084.774.093</b>	<b>-</b>	<b>1.084.774.093</b>
<b>Tổng giá trị tài sản thuần</b>	<b>20.000.000.000</b>		<b>20.000.000.000</b>
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		-	3.000.000.000
<b>Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Công ty mẹ</b>			<b>17.000.000.000</b>
<b>Tổng giá phí của khoản đầu tư này</b>			<b>17.000.000.000</b>
<b>Lãi từ giao dịch mua rẻ phát sinh từ hợp nhất kinh doanh</b>			<b>-</b>

**b) Tại Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt Thái Bình**

Diễn giải	Giá trị ghi sổ tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát	Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát
<b>Tài sản</b>			
Tiền	8.726.340	-	8.726.340
Hàng tồn kho	19.359.226.155	-	19.359.226.155
Tài sản ngắn hạn khác	9.141.289	-	9.141.289
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	904.840.216	-	904.840.216
<b>Cộng tài sản</b>	<b>20.281.934.000</b>	<b>-</b>	<b>20.281.934.000</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ ngắn hạn	2.281.934.000	-	2.281.934.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>2.281.934.000</b>	<b>-</b>	<b>2.281.934.000</b>
<b>Tổng giá trị tài sản thuần</b>	<b>18.000.000.000</b>		<b>18.000.000.000</b>
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		-	2.700.000.000
<b>Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Công ty mẹ</b>			<b>15.300.000.000</b>
<b>Tổng giá phí của khoản đầu tư này</b>			<b>15.300.000.000</b>
<b>Lãi từ giao dịch mua rẻ phát sinh từ hợp nhất kinh doanh</b>			<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**c) Tại Công ty Cổ phần Môi trường Thành Đạt Bắc Giang**

Diễn giải	Giá trị ghi sổ tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát	Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát
<b>Tài sản</b>			
Tiền	26.574.081	-	26.574.081
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.821.695.983	-	2.821.695.983
Hàng tồn kho	447.421.589	-	447.421.589
Tài sản ngắn hạn khác	645.727.971	-	645.727.971
Tài sản cố định	60.930.116.370	-	60.930.116.370
<b>Cộng tài sản</b>	<b>64.871.535.994</b>	<b>-</b>	<b>64.871.535.994</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ ngắn hạn	9.870.310.041	-	9.870.310.041
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>9.870.310.041</b>	<b>-</b>	<b>9.870.310.041</b>
<b>Tổng giá trị tài sản thuần</b>	<b>55.001.225.953</b>		<b>55.001.225.953</b>
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		-	8.250.183.893
<b>Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Công ty mẹ</b>			<b>46.751.042.060</b>
<b>Tổng giá phí của khoản đầu tư này</b>			<b>46.750.000.000</b>
<b>Lãi từ giao dịch mua rẻ phát sinh từ hợp nhất kinh doanh</b>			<b>1.042.060</b>

**4 . TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.064.693.657	1.216.574.846
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	199.879.254.163	19.858.599.217
	<b>200.943.947.820</b>	<b>21.075.174.063</b>

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	106.801.855.670	-	112.095.707.177	-
	<b>106.801.855.670</b>	<b>-</b>	<b>112.095.707.177</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 106.801.855.670 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 4,6%/năm.



**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**  
Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2025		01/01/2025	
			Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	VND	VND
Hà Nội	34,58%	34,58%	-	-	-	-
Lạng Sơn	50,00%	50,00%	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-
			<b>25.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>	-	-

**Đầu tư vào công ty liên kết**

- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam
- Công ty TNHH Dầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đông Kinh

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	841.102.790	(841.102.790)	841.102.790	(841.102.790)
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	(3.000.000.000)
- Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
- Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội	3.621.000.000	(1.474.595.856)	3.621.000.000	(1.474.595.856)
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	15.015.124.800	-	15.015.124.800	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội				
	<b>59.150.365.573</b>	<b>(5.315.698.646)</b>	<b>59.150.365.573</b>	<b>(5.315.698.646)</b>

**Đầu tư vào đơn vị khác**

- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam
- Công ty Cổ phần PEC Hà Nội
- Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:****Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	Thương mại máy móc và thiết bị
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đông Kinh	Lạng Sơn	50,00%	50,00%	Kinh doanh bất động sản

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	12,13%	12,13%	Thương mại
Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	Thành phố Hà Nội	8,00%	8,00%	Xây lắp
Công ty TNHH Hitachi Astemo Hà Nội	Thành phố Hà Nội	8,45%	8,45%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Tỉnh Đồng Nai	1,80%	1,80%	Đóng mới, sửa chữa tàu
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội	Thành phố Hà Nội	3,60%	3,60%	Thương mại và dịch vụ

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>191.823.749</b>	<b>(191.823.749)</b>	<b>191.823.749</b>	<b>(191.823.749)</b>
Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	191.823.749	(191.823.749)	191.823.749	(191.823.749)
<b>Bên khác</b>	<b>414.280.576.647</b>	<b>(177.355.156.667)</b>	<b>381.108.729.702</b>	<b>(179.024.222.371)</b>
Công ty CP Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	(33.627.654.160)	33.627.654.160	(33.627.654.160)
Công ty CP Xuất nhập khẩu Tân Hồng	96.856.865.496	(96.856.865.496)	96.856.865.496	(96.856.865.496)
Công ty CP Đầu tư Công nghệ Ngôi sao Châu Á	1.768.458.536	-	3.504.674.511	-
Công ty CP Nhôm Việt Pháp Shal	24.478.588.603	-	36.239.039.565	-
Công ty Cổ phần Shaltech	71.167.808.281	-	29.506.670.518	-
Công ty TNHH Nông sản Hồng Nguyên	49.017.839.850	-	69.320.059.470	-
Phải thu khách hàng khác	137.363.361.721	(46.870.637.011)	112.053.765.982	(48.539.702.715)
	<b>414.472.400.396</b>	<b>(177.546.980.416)</b>	<b>381.300.553.451</b>	<b>(179.216.046.120)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Công nghiệp M&H	963.600.000	(963.600.000)	963.600.000	(963.600.000)
- Công ty cổ phần LICOGI 13	8.069.941.826	-	17.307.281.896	-
- Công ty TNHH TM và DV XNK QD Việt Nam	19.514.183.040	-	11.067.237.752	-
- Công ty Cổ phần Senka International	2.511.273.956	-	3.908.443.047	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tuấn Phát	-	-	3.485.497.084	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông	-	-	5.003.131.707	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xuất nhập khẩu Ninh Bình	-	-	20.202.625.460	-
- Công ty TNHH Green Agros	17.522.120.000	-	16.502.085.400	-
- Công ty TNHH Lương thực thực phẩm Sen Vàng	38.608.641.300	-	-	-
- Global Green (Cambodia) Energy Development Co.,LTD	52.690.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH LCD Việt Nam	5.632.621.190	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	8.098.362.487	(109.532.968)	6.476.306.625	(98.485.000)
	<b>153.610.743.799</b>	<b>(1.073.132.968)</b>	<b>84.916.208.971</b>	<b>(1.062.085.000)</b>





Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:						
TT	Hợp đồng cho vay số	Số tiền cho vay (VND)	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức bảo đảm
<b>Số dư tại 31/12/2025 (VND)</b>						
(1)	Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh Bất động sản Đồng Kinh					
+	Các hợp đồng ký kết giữa Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đồng Kinh	6.900.000.000	Phục vụ sản xuất kinh doanh và không vi phạm quy định pháp luật	Quy định cụ thể theo từng khoản vay trong Biên bản xác nhận tiền vay	7%/năm	Tin chấp
						6.900.000.000
(2)	Ông Lương Văn Hòa					
+	Bao gồm các hợp đồng vay vốn từ ngày 15/11/2024 đến ngày 31/12/2024	60.000.000.000	Phục vụ sản xuất kinh doanh và không vi phạm quy định pháp luật	Theo lãi suất huy động của ngân hàng BIDV thời hạn 01 tháng áp dụng cho Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển tiền vay	15%/năm	Tin chấp
						13.170.912.500
						13.170.912.500
(3)	Công ty Cổ phần Nacico					
+	06/11/2023/HĐVT/2023 ngày 06 tháng 11 năm 2023	11.350.000.000	Phục vụ sản xuất kinh doanh và không vi phạm quy định pháp luật	Quy định cụ thể theo từng khoản vay trong Biên bản xác nhận tiền vay	2,7%/năm. Từ 20/03/2024 còn 1,6%/năm	Tin chấp
						10.010.000.000
						10.010.000.000
(4)	Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings					
+	07/11/2023/HĐVT/2023 ngày 07 tháng 11 năm 2023	38.700.000.000	Phục vụ sản xuất kinh doanh và không vi phạm quy định pháp luật	Quy định cụ thể theo từng khoản vay trong Biên bản xác nhận tiền vay	2,7%/năm. Từ 20/03/2024 còn 1,6%/năm	Tin chấp
						26.788.016.700
						26.788.016.700
(5)	Ông Phạm Bình Dân					
+	Hợp đồng vay vốn số 05/HĐVT/2024/MPX ngày 31/12/2024	20.000.000.000	Phục vụ sản xuất kinh doanh và không vi phạm quy định pháp luật	Theo lãi suất huy động của ngân hàng BIDV thời hạn 01 tháng áp dụng cho Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển tiền vay	15%/năm	Tin chấp
						5.000.000.000
						5.000.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

 Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**9 . PHẢI THU KHÁC**

		31/12/2025		01/01/2025	
		Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a)</b>	<b>Ngắn hạn</b>				
<b>a.1)</b>	<b>Chi tiết theo nội dung</b>				
	Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.474.658.278	-	11.762.854.946	-
	Phải thu người lao động	-	-	693.021.838	-
	Tạm ứng	46.451.816.682	-	147.339.824.167	-
	Ký cược, ký quỹ	1.644.984.948	-	935.250.766	-
	Phải thu các hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	52.300.000.000	-
	Phải thu thực hiện dự án xây dựng nhà máy xử lý rác thải tại Bắc Giang	-	-	8.610.356.848	-
	Kinh phí GPMB tạm ứng cho Trung tâm phát triển quỹ đất	43.658.786.598	-	9.100.000.000	-
	Phải thu khác	22.693.327.074	(177.000.000)	6.128.185.720	-
		<b>125.923.573.580</b>	<b>(177.000.000)</b>	<b>236.869.494.285</b>	<b>-</b>
<b>a.2)</b>	<b>Chi tiết theo đối tượng</b>				
	Bên liên quan	-	-	19.101.301.936	-
	Ông Chu Thành Nam	-	-	4.900.000.000	-
	Ông Lương Văn Hòa	-	-	7.575.066.596	-
	Ông Phan Trung Nghĩa	-	-	2.500.000.000	-
	Ông Nguyễn Hồng Hà	-	-	4.126.235.340	-
	Bên khác	125.923.573.580	(177.000.000)	217.768.192.349	-
	Công ty cổ phần Thương mại đầu tư Đông Đô	-	-	37.300.000.000	-
	Công ty Cổ phần Đầu tư Tesla	-	-	15.000.000.000	-
	Công ty Cổ phần Thương mại Thành Đạt	-	-	8.930.569.071	-
	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Công nghệ Ecotech Việt Nam (*)	14.941.522.360	-	-	-
	Công ty Cổ phần LICOGI 13	9.173.334.410	-	-	-
	Công ty Cổ phần đầu tư Hasky Hưng Yên	-	-	3.499.746.574	-
	Phải thu khác	101.808.716.810	(177.000.000)	153.037.876.704	-
		<b>125.923.573.580</b>	<b>(177.000.000)</b>	<b>236.869.494.285</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>b.1) Chi tiết theo nội dung</b>				
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Phải thu hợp đồng	-	-	36.000.000.000	-
hợp tác đầu tư				
Công ty Cổ phần	600.000.000	-	600.000.000	-
Xuất nhập khẩu				
Máy Hà Nội				
	<b>1.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>37.600.000.000</b>	<b>-</b>
<b>b.2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
<b>Bên liên quan</b>	<b>600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>600.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần	600.000.000	-	600.000.000	-
Xuất nhập khẩu				
Máy Hà Nội				
<b>Bên khác</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần	-	-	36.000.000.000	-
Đầu tư Kinh doanh				
An Phú Hưng				
Phải thu khác	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	<b>1.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>37.600.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty (PVM - Bên A) và Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Công nghệ ECOTECH Việt Nam (Ecotech - Bên B), căn cứ theo Hợp đồng số 01/2025/HĐHTKD/PVM-ECOTECH ký ngày 14/07/2025 với các điều khoản sau:

- Mục tiêu: Hai bên hợp tác kinh doanh để nhập khẩu, vận chuyển quặng sắt từ Lào về bán tại thị trường Việt Nam;
- Tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận: tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ 50/50 dựa trên quyết toán phương án kinh doanh cụ thể;
- Khách hàng chính: Tập đoàn Hòa Phát (cụ thể là Nhà máy thép Hòa Phát Hải Dương);
- Trách nhiệm của các bên: Bên A (PVM): Chịu trách nhiệm góp vốn đúng hạn; tham gia tìm kiếm nguồn hàng, đơn vị vận tải và khách hàng; cùng Bên B kiểm soát chất lượng, thực hiện thủ tục thông quan và nghiệm thu thanh toán. Bên B (Ecotech): Chịu trách nhiệm chính trong việc tìm kiếm, thẩm định và ký kết hợp đồng với nhà cung cấp, đơn vị vận chuyển và khách hàng; chủ trì thương thảo hợp đồng; xác nhận khối lượng, chất lượng và hồ sơ thanh toán;
- Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 25/06/2025 đến hết ngày 30/12/2026.

**10 . NỢ XẤU**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng <sup>(1)</sup>	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar <sup>(2)</sup>	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760
- Các khoản khác	43.812.514.958	21.821.767.147	43.962.514.958	21.971.767.147
	<b>182.364.125.374</b>	<b>160.373.377.563</b>	<b>182.514.125.374</b>	<b>160.523.377.563</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định căn cứ trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng có thể thu hồi được các khoản công nợ này. Tuy nhiên, để đảm bảo thận trọng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ xấu kể trên.

**Thông tin về một số khoản nợ xấu có giá trị lớn:**

(1): Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng số tiền 96.856.865.496 VND. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này tuy nhiên vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp thu hồi khoản công nợ.

(2): Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar số tiền 33.627.654.160 VND. Công ty đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, là bên bảo lãnh thực hiện thanh toán cho Vina Megastar tại Tòa án Nhân dân Hoàn Kiếm, để đảm bảo thận trọng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này.

**11 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.158.729.374	-	2.080.580.258	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.684.199.197	-	212.255.235	-
Thành phẩm	46.150.099	-	53.167.918	-
Hàng hoá	49.645.988.731	(450.205.151)	76.443.187.379	(705.065.500)
Trong đó:				
- Hàng hóa bất động sản	8.646.715.202	-	-	-
- Hàng hóa khác	40.999.273.529	(450.205.151)	76.443.187.379	(705.065.500)
	<b>60.535.067.401</b>	<b>(450.205.151)</b>	<b>78.789.190.790</b>	<b>(705.065.500)</b>

**12 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
Dự án xây dựng Khu dân cư An Phú <sup>(1)</sup>	11.450.127.205	11.450.127.205	8.659.772.300	8.659.772.300
Dự án phát triển khu nhà ở thương mại phường Trần Hưng Đạo và phường Thái Bình <sup>(2)</sup>	38.907.324.895	38.907.324.895	12.520.836.845	12.520.836.845
Dự án khu nhà ở tại thôn Dục Nội, xã Thư Lâm, thành phố Hà Nội <sup>(3)</sup>	1.456.152.187	1.456.152.187	1.100.946.187	1.100.946.187
	<b>51.813.604.287</b>	<b>51.813.604.287</b>	<b>22.281.555.332</b>	<b>22.281.555.332</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(1) Dự án phát triển nhà ở thương mại khu dân cư An Phú, Xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên theo hợp đồng thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất số 10/HĐ-DA ĐTCSDĐ ngày 14/08/2023 giữa Sở Xây dựng tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên) và nhà đầu tư bao gồm liên danh: Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí, Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, Công ty Cổ phần Nacico và doanh nghiệp dự án - Công ty Cổ phần Machino An Phú - Công ty con. Trong đó:

- Tổng mức đầu tư của dự án được chấp thuận theo chủ trương đầu tư: 681.251.975.000 VND;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 77 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Quy mô diện tích sử dụng đất của dự án: 118.804,16 m<sup>2</sup> ( bao gồm đất ở, đất cây xanh, hồ điều hòa và đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật)
- Chi phí thực hiện dự án tính đến 31/12/2025 chủ yếu bao gồm Giá trị nộp ngân sách nhà nước M3 (giá trị nộp Ngân sách Nhà nước tối thiểu) đợt 1 và chi phí quản lý dự án.

(2) Dự án phát triển nhà ở thương mại tại phường Trần Hưng Đạo và phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên theo hợp đồng thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất số 10/HĐ-DA ĐTCSDĐ ngày 14/08/2023 giữa Sở Xây dựng tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên) và nhà đầu tư bao gồm liên danh: Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí, Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội và doanh nghiệp dự án - Công ty TNHH Machino Phú Xuân - Công ty con. Trong đó:

- Tổng mức đầu tư của dự án được chấp thuận theo chủ trương đầu tư: 211.179.197.000 VND;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 65 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Quy mô diện tích sử dụng đất của dự án: 58.313,3 m<sup>2</sup> ( bao gồm đất công trình công cộng, đất thương mại dịch vụ và đất ở đô thị)
- Chi phí thực hiện dự án tính đến 31/12/2025 chủ yếu bao gồm Giá trị nộp ngân sách nhà nước M3 (giá trị nộp Ngân sách Nhà nước tối thiểu) đợt 1, đợt 2, đợt 3 và chi phí quản lý dự án và chi phí thi công các hạng mục của dự án.

(3) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh khu nhà ở tại xã Thụ Lâm, thành phố Hà Nội trên toàn bộ khu đất theo quyết định số 3494/QĐ-UBND về việc "phê duyệt quy hoạch chi tiết khu nhà ở tại xã Thụ Lâm, thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/500". Số dư tại ngày 31/12/2025 là chi phí cho ban quản lý dự án.

**b) Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Dự án nhà máy xử lý rác Thái Bình	904.840.216	-
	<b>904.840.216</b>	<b>-</b>

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	14.188.420.814	762.445.000	14.950.865.814
Số dư cuối năm	<b>14.188.420.814</b>	<b>762.445.000</b>	<b>14.950.865.814</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.115.036.109	651.890.161	2.766.926.270
- Khấu hao trong năm	356.694.588	50.400.000	407.094.588
Số dư cuối năm	<b>2.471.730.697</b>	<b>702.290.161</b>	<b>3.174.020.858</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	12.073.384.705	110.554.839	12.183.939.544
Tại ngày cuối năm	<b>11.716.690.117</b>	<b>60.154.839</b>	<b>11.776.844.956</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.001.613.672 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 611.245.000 VND.

(\*) Quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm:

- Khu đất tại địa chỉ 51 Phan Đăng Lưu, phường Hoà Cường, thành phố Đà Nẵng, diện tích 1.806,8 m<sup>2</sup>, sử dụng làm mặt bằng kinh doanh, thời hạn là 50 năm kể từ ngày 13/01/2009.
- Khu đất tại địa chỉ 53 Trần Phú, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, diện tích 281,8 m<sup>2</sup>, sử dụng làm văn phòng Công ty, thời hạn 50 năm kể từ ngày 12/01/2009.

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	73.752.358.067	10.496.060.181	9.404.528.105	1.485.375.110	161.200.000	95.299.521.463
- Mua trong năm	-	9.253.008.754	-	-	-	9.253.008.754
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	84.734.259	-	-	-	-	84.734.259
- Tặng do mua công ty con	50.207.497.099	20.730.359.669	620.917.500	3.249.469.699	1.669.663.897	76.477.907.864
- Thanh lý, nhượng bán	-	(231.481.482)	-	-	-	(231.481.482)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>124.044.589.425</b>	<b>40.247.947.122</b>	<b>10.025.445.605</b>	<b>4.734.844.809</b>	<b>1.830.863.897</b>	<b>180.883.690.858</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	26.477.856.068	2.532.069.915	7.057.889.014	1.127.301.860	139.966.673	37.335.083.530
- Khấu hao trong năm	3.978.557.298	1.560.896.421	503.361.957	106.068.408	21.233.327	6.170.117.411
- Thanh lý, nhượng bán	-	(73.611.115)	(9.592.665)	-	-	(83.203.780)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>30.456.413.366</b>	<b>4.019.355.221</b>	<b>7.551.658.306</b>	<b>1.233.370.268</b>	<b>161.200.000</b>	<b>43.421.997.161</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	47.274.501.999	7.963.990.266	2.346.639.091	358.073.250	21.233.327	57.964.437.933
Tại ngày cuối năm	<b>93.588.176.059</b>	<b>36.228.591.901</b>	<b>2.473.787.299</b>	<b>3.501.474.541</b>	<b>1.669.663.897</b>	<b>137.461.693.697</b>

Trong đó:  
- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 21.756.829.446 VND.  
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.005.436.369 VND.



**15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**  
Bất động sản đầu tư cho thuê

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	7.513.200.000	15.292.742.940
Số dư cuối năm	7.779.542.940	7.513.200.000	15.292.742.940
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	7.513.200.000	15.292.742.940
Số dư cuối năm	7.779.542.940	7.513.200.000	15.292.742.940
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-

Bất động sản đầu tư của Công ty là 23.600 m2 đất tại thôn Dục Nội, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng lại của đối tác từ năm 2012 có thời hạn 20 năm từ ngày 07/12/1996. Từ năm 2017, Công ty tiếp tục sử dụng diện tích đất này theo hình thức đất thuê trả tiền hàng năm với mục đích cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

**16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	432.783.080	773.103.303
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	753.466.352	2.362.683.839
	<b>1.186.249.432</b>	<b>3.135.787.142</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	718.269.374	1.099.759.269
Tiền thuê đất	750.000.000	870.000.000
Chi phí sửa chữa, cải tạo	772.811.308	2.257.416.729
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	4.842.962.243	6.134.418.851
Chi phí trả trước dài hạn khác	446.923.989	163.901.079
	<b>7.530.966.914</b>	<b>10.525.495.928</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Công ty Cổ phần Thương mại Farmington	-	-	3.532.902.020	3.532.902.020
Công ty Cổ phần Xây lắp 1 - Petrolimex	2.789.092.560	2.789.092.560	2.789.092.560	2.789.092.560
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	1.498.441.178	1.498.441.178	1.498.441.178	1.498.441.178
Công ty TNHH Ô tô Mitsubishi Việt Nam	2.941.388.026	2.941.388.026	1.495.684.758	1.495.684.758
Công TNHH Sản xuất kinh doanh thương mại Bảo Linh	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	15.828.158.885	15.828.158.885	8.568.935.694	8.568.935.694
	<b>24.557.080.649</b>	<b>24.557.080.649</b>	<b>17.885.056.210</b>	<b>17.885.056.210</b>

**18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Lắp máy Dầu Khí	1.009.800.000	1.009.800.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư công nghệ Ecotech Việt Nam	14.946.697.367	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	9.577.091.520	-
UBND thị trấn Vôi	-	1.438.095.500
Người mua trả tiền trước khác	2.928.170.039	942.985.594
	<b>28.461.758.926</b>	<b>3.390.881.094</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Trảng Thới, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm (đã điều chỉnh)	Số phải nộp đầu năm (đã điều chỉnh)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	440.943.022	118.008.258	14.412.341.572	11.606.698.374	-	2.482.708.434
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	13.839.973.977	106.856.741	14.202.338.731	340.909.735	85.401.722
Thuế Thu nhập cá nhân	38.211.575	1.213.973.002	3.312.628.605	4.332.648.774	81.082.986	236.824.244
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	135.000.000	-	5.488.186.036	2.039.237.098	53.131.543	3.367.080.481
Các loại thuế khác	-	-	20.000.000	20.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.993.920.508	1.019.285.452	3.974.893.376	-	38.312.584
	<b>614.154.597</b>	<b>18.165.875.745</b>	<b>24.359.298.406</b>	<b>36.175.816.353</b>	<b>475.124.264</b>	<b>6.210.327.465</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	380.425.608	349.871.512
- Chi phí lãi chậm trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2.805.951.741	1.556.612.566
- Chi phí thuế đất phải trả	921.892.800	-
- Chi phí phải trả khác	4.291.482.628	235.287.151
	<b>8.399.752.777</b>	<b>2.141.771.229</b>

**Trong đó: Chi phí phải trả đối với các bên liên quan**

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	10.479.452	22.006.849
	<b>10.479.452</b>	<b>22.006.849</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**21 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<b>a1) Chi tiết theo nội dung</b>		
- Kinh phí công đoàn	396.997.758	382.047.848
- Bảo hiểm xã hội	828.316.124	-
- Bảo hiểm y tế	35.387.072	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.656.698	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	47.449.488.000	23.412.128.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	26.540.386.090	4.607.632.890
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(1)</sup>	25.000.000.000	22.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.449.872.269	585.572.263
	<b>101.712.104.011</b>	<b>50.987.381.001</b>
<b>a2) Chi tiết theo đối tượng</b>		
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(1)</sup>	25.000.000.000	22.000.000.000
- Công ty TNHH Nông sản Hồng Nguyên <sup>(2)</sup>	45.000.000.000	21.500.000.000
- Các đối tượng khác	31.712.104.011	7.487.381.001
	<b>101.712.104.011</b>	<b>50.987.381.001</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(1)</sup>	13.261.547.264	25.261.547.264
	<b>13.261.547.264</b>	<b>25.261.547.264</b>

(1) Khoản nợ phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) theo quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên xét xử phúc thẩm ngày 19/10/2023. Theo đó, Công ty đồng ý trả số tiền 52.261.547.264 VND và tiền lãi cho Agribank theo lộ trình 05 năm kể từ năm 2023 đến năm 2027. Trong năm 2025, Công ty đã thanh toán cho Agribank 9 tỷ VND.

(2) Khoản đặt cọc theo thỏa thuận hợp tác giữa Công ty và Công ty TNHH Nông sản Hồng Nguyên nhằm đảm bảo giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa nông sản giữa 02 bên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**22 . VAY**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>318.842.086.094</b>	<b>318.842.086.094</b>	<b>1.694.601.230.584</b>	<b>1.693.166.478.777</b>	<b>320.276.837.901</b>	<b>320.276.837.901</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(1)</sup>	83.368.277.851	83.368.277.851	126.656.026.614	205.472.304.465	4.552.000.000	4.552.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm <sup>(2)</sup>	63.852.350.368	63.852.350.368	218.901.298.131	166.926.027.112	115.827.621.387	115.827.621.387
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(3)</sup>	89.758.986.800	89.758.986.800	692.070.750.000	698.787.736.800	83.042.000.000	83.042.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội <sup>(4)</sup>	-	-	58.365.900.000	37.413.000.000	20.952.900.000	20.952.900.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng <sup>(5)</sup>	67.090.966.800	67.090.966.800	479.694.315.700	494.801.084.600	51.984.197.900	51.984.197.900
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng <sup>(6)</sup>	7.883.000.000	7.883.000.000	95.783.000.000	75.536.000.000	28.130.000.000	28.130.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng	3.650.000.000	3.650.000.000	-	3.650.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng <sup>(7)</sup>	3.238.504.275	3.238.504.275	8.685.421.870	8.280.325.800	3.643.600.345	3.643.600.345
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(8)</sup>	-	-	6.001.008.269	400.000.000	5.601.008.269	5.601.008.269
- Vay cá nhân <sup>(9)</sup>	-	-	8.443.510.000	1.900.000.000	6.543.510.000	6.543.510.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**22 . VAY**

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>7.423.420.000</b>	<b>7.423.420.000</b>	<b>9.440.985.000</b>	<b>8.060.020.000</b>	<b>8.804.385.000</b>	<b>8.804.385.000</b>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (10)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (11)	2.423.420.000	2.423.420.000	2.179.985.000	2.423.420.000	2.179.985.000	2.179.985.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội (12)	-	-	2.163.800.000	563.700.000	1.600.100.000	1.600.100.000
- Ngân hàng TMCP Lộc Phát - Chi nhánh Thăng Long (13)	-	-	97.200.000	72.900.000	24.300.000	24.300.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>326.265.506.094</b>	<b>326.265.506.094</b>	<b>1.704.042.215.584</b>	<b>1.701.226.498.777</b>	<b>329.081.222.901</b>	<b>329.081.222.901</b>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (10)	11.250.000.000	11.250.000.000	-	5.000.000.000	6.250.000.000	6.250.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (11)	7.677.317.973	7.677.317.973	-	2.423.420.000	5.253.897.973	5.253.897.973
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội (12)	-	-	5.104.000.000	563.700.000	4.540.300.000	4.540.300.000
- Ngân hàng TMCP Lộc Phát - Chi nhánh Thăng Long (13)	-	-	289.000.000	72.900.000	216.100.000	216.100.000
<b>Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng</b>	<b>18.927.317.973</b>	<b>18.927.317.973</b>	<b>5.393.000.000</b>	<b>8.060.020.000</b>	<b>16.260.297.973</b>	<b>16.260.297.973</b>
<b>Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>(7.423.420.000)</b>	<b>(7.423.420.000)</b>	<b>(9.440.985.000)</b>	<b>(8.060.020.000)</b>	<b>(8.804.385.000)</b>	<b>(8.804.385.000)</b>
	<b>11.503.897.973</b>	<b>11.503.897.973</b>			<b>7.455.912.973</b>	<b>7.455.912.973</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn**

STT	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025 (VND)
<b>1</b>	<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng</b>						<b>4.552.000.000</b>
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/339/HĐTD ngày 22/09/2025	60.000.000.000	Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ	12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng hạn mức	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	Các hợp đồng cầm cố/thẻ chấp/bảo lãnh/ký quỹ hoặc các hợp đồng thỏa thuận khác được giao kết giữa Ngân hàng và khách hàng. Đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ	4.552.000.000
<b>2</b>	<b>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm</b>						<b>115.827.621.387</b>
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 174HTTD/2025-HĐCVHM/NHCT122-MAYTBDAUKHI ngày 25/08/2025	100.000.000.000 VND và các phụ lục hợp đồng bổ sung	Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ	Từ ngày 25/08/2025 đến hết ngày 31/07/2026.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	Các hợp đồng cam kết bảo lãnh/Hợp đồng đảm bảo mà Bên Vay và/hoặc Tổ chức/Cá nhân khác giao kết với Bên Cho Vay và/hoặc các biện pháp đảm bảo khác.	115.827.621.387



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025 (VND)
3	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng Hợp đồng cấp tín dụng số 282902.25.065.597402.TD ngày 10/03/2025	130.000.000.000	Lãi suất được xác định tại văn bản nhận nợ theo từng lần giải ngân và Thỏa thuận chung, Hợp đồng tín dụng	Kể từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 19/02/2026	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thế chấp hàng hoá và quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 191118.24.065.597402.BD ngày 04/03/2024 giữa Ngân hàng và Công ty; Quyền đòi nợ theo Hợp đồng số 2512.2024/HDMB/PVM-HN ngày 25/12/2024, Hợp đồng số 0801.2025/HDMB/PVM-HN ngày 08/01/2025, Hợp đồng số 1701.2025/HDMB/PVM-HN ngày 17/01/2025, Hợp đồng số 2001.2025/HDMB/PVM-HN ngày 20/01/2025, Hợp đồng số 0701.2025/HDMB/PVM-HN ngày 07/01/2025; Hàng hoá và quyền đòi nợ theo Hợp đồng số 2301.2025/HDMB/PVM-HN ngày 23/01/2025; tiền gửi tiết kiệm tài khoản số 3473935113788, 1083772070807, 0208857221904, Hợp đồng tiền gửi số 5091.24.065.597402 do Ngân hàng phát hành cho Công ty	83.042.000.000 83.042.000.000
4	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (Bên liên quan) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0287/2025/HDHM-PN/SHB.110200 ngày 20/08/2025	135.000.000.000	Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ	12 tháng (từ ngày 20/08/2025 đến hết ngày 20/08/2026)	Bổ sung vốn lưu động và tài trợ vốn thanh toán LC nhập khẩu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Bất động sản, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, tiền ký quỹ, giấy tờ có giá và quyền đòi nợ đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai phát sinh từ các hợp đồng vay	20.952.900.000 20.952.900.000

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**  
Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

STT	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025 (VND)
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng						51.984.197.900
	Hợp đồng cho vay hạn mức số: 450/2025/CTD/CV/VCB-KHDN ngày 26/11/2025	70.000.000.000	Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ	Thời hạn của hợp đồng: Tối đa 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại xe ô tô hãng Mitsubishi	Các xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi mới 100%, hình thành từ vốn vay/tồn kho hiện hữu, thuộc sở hữu của Công ty. Khoản vay đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.	51.984.197.900
6	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng						28.130.000.000
	Hợp đồng cho vay hạn mức số: 01/2025/256945/HDTD ngày 24/09/2025	40.000.000.000	Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ	Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Theo các hợp đồng đảm bảo quy định tại hợp đồng cấp tín dụng.	28.130.000.000
7	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng						3.643.600.345
	Hợp đồng tín dụng số: 9643869.24 ngày 12/07/2024	7.000.000.000	Lãi suất theo thông báo của Bên cho vay trong từng thời kỳ, được ghi trên Khế ước nhận nợ	Không quá 12 tháng kể từ thời điểm nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại xe ô tô hãng Mitsubishi Việt Nam	Các xe ô tô du lịch (9 chỗ ngồi trở xuống) nhãn hiệu Mitsubishi mới 100%, hình thành từ vốn vay/tồn kho hiện hữu, thuộc sở hữu của Công ty. Khoản vay đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.	3.643.600.345

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Trưng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025 (VND)
8	<b>Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng</b>						
	Hợp đồng tín dụng số 323999.25.065.38518763.TD	30.000.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Theo từng giấy nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	5.601.008.269
9	<b>Vay cá nhân</b>						
	Các hợp đồng cho vay giữa các cá nhân và Công ty	8.443.510.000	Lãi suất vay được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	Theo từng hợp đồng vay vốn	Sử dụng các mục đích không vi phạm pháp luật	Tin chấp	6.543.510.000
<b>Tổng cộng vay ngắn hạn</b>							<b>320.276.837.901</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn**

STT	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2025 (VND)
10	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (Bên liên quan)						
	Hợp đồng tín dụng số 022/2024/HĐTĐTDH-PN/SHB.111500 ngày 06/02/2024	15.000.000.000	Lãi suất vay: 12,8%/năm cho 3 tháng đầu; Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, biến độ dao động 3,8%/năm. Lãi suất hiện tại là 11,9%/năm	36 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ	Cho vay bồi hoàn các chi phí đầu tư để Thực hiện dự án "Cải tạo, sửa chữa nhà B số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội"	Tin chấp	6.250.000.000
11	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng						
	Các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty	Theo từng hợp đồng tín dụng	Lãi suất vay được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án	Thế chấp bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp cụ thể và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.	5.253.897.973
12	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội						
	Các hợp đồng vay giữa Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	6.760.000.000	Theo từng giấy nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Cho vay bồi hoàn các chi phí đầu tư để Thực hiện dự án "Cải tạo, sửa chữa nhà B số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội"	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	4.540.300.000
13	Ngân hàng TMCP Lọc Phất - Chi nhánh Thăng Long						
	Hợp đồng tín dụng số HĐTĐ1132025062	289.000.000	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Theo từng giấy nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	216.100.000
<b>Tổng cộng vay dài hạn</b>							<b>16.260.297.973</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng							(8.804.385.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng							7.455.912.973

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (đã điều chỉnh)	386.386.000.000		18.920.978.074		118.221.639.816		134.723.562.706		658.252.180.596
Lãi trong năm trước	-		-		52.746.191.371		3.217.051.289		55.963.242.660
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-		-		(23.819.300.000)		-		(23.819.300.000)
Phân phối lợi nhuận tại Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng (Công ty con)	-		-		(273.800.476)		(2.385.359.524)		(2.659.160.000)
<b>Số dư cuối năm trước (đã điều chỉnh)</b>	<b>386.386.000.000</b>		<b>18.920.978.074</b>		<b>146.874.730.711</b>		<b>135.555.254.471</b>		<b>687.736.963.256</b>
Số dư đầu năm nay (đã điều chỉnh)	386.386.000.000		18.920.978.074		146.874.730.711		135.555.254.471		687.736.963.256
Lãi trong năm nay	-		-		34.339.974.593		(718.413.241)		33.621.561.352
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-		-		(27.683.160.000)		-		(27.683.160.000)
Phân phối lợi nhuận tại Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng (Công ty con)	-		-		(228.996.762)		(1.918.331.238)		(2.147.328.000)
Tăng do mua công ty con trong năm	-		-		-		13.950.183.893		13.950.183.893
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>386.386.000.000</b>		<b>18.920.978.074</b>		<b>153.302.548.542</b>		<b>146.868.693.885</b>		<b>705.478.220.501</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên tại Công ty mẹ và Công ty con công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tại Công ty mẹ		Các công ty con phân phối cho	
	Công ty mẹ	Công ty mẹ	Cổ đông không kiểm soát	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.000.000.000	228.996.762	231.003.238	
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1.500.000.000	-	-	
Chi trả cổ tức	23.183.160.000	-	1.687.328.000	



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Bà Nguyễn Anh Thu	16,91	65.351.000.000	16,91	65.351.000.000
Bà Lê Thị Kiều Vân	18,12	70.000.000.000	18,12	70.000.000.000
Các cổ đông khác	64,97	251.035.000.000	64,97	251.035.000.000
	<b>100</b>	<b>386.386.000.000</b>	<b>100</b>	<b>386.386.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp đầu năm	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp cuối năm	386.386.000.000	386.386.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	4.607.632.890	4.031.109.705
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	24.870.488.000	21.428.460.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	24.870.488.000	21.428.460.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(2.937.734.800)	(20.851.936.815)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(2.937.734.800)	(20.851.936.815)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>26.540.386.090</u>	<u>4.607.632.890</u>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.920.978.074	18.920.978.074
	<b>18.920.978.074</b>	<b>18.920.978.074</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo các hợp đồng cho thuê tại vị trí số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội với đơn giá và thời hạn cho thuê được quy định theo từng hợp đồng ký kết với đối tác.

Ngoài ra, Công ty có các hợp đồng cho thuê hoạt động hàng năm với các đối tác tại thôn Dục Nội, xã Đông Anh, Thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích cho thuê kho. Trong đó, đơn giá và thời hạn cho thuê được quy định theo từng hợp đồng ký kết với đối tác.

**b) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty đang sử dụng diện tích đất 1.202,5 m<sup>2</sup> tại số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và 23.600 m<sup>2</sup> đất tại thôn Dục Nội, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm được sử dụng với mục đích kinh doanh và làm trụ sở văn phòng. Công ty đang làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất với các bên có liên quan và tiếp tục nộp tiền thuê đất hàng năm cho các lô đất này theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

Công ty con - Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng ký hợp đồng thuê đất số 36/HĐTD ngày 13/06/2017 tại Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, phường Thanh Thủy, thành phố Huế với diện tích 5.372 m<sup>2</sup> để đầu tư xây dựng Trung tâm ô tô Daesco tại Huế có thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 29/12/2016. Công ty đã trả trước tiền thuê đất cho thời hạn 10 năm với số tiền 3 tỷ VND.

Công ty con - Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ số 10 Nguyễn Phúc, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng với diện tích 15.366 m<sup>2</sup> có thời hạn đến ngày 30/01/2052 với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm.

Công ty con gián tiếp- Công ty Cổ phần Môi trường Thành Đạt Quỳnh Côi ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 32, khu 3, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ( nay là xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên) với diện tích 17.896,4 m<sup>2</sup> kể từ ngày 16/07/2024 đến ngày 15/06/2059;

Công ty con gián tiếp- Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt Thái Bình ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ xã Quỳnh Hải- xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ( nay là xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên) với diện tích 30.039,7 m<sup>2</sup> kể từ ngày 31/12/2024 đến ngày 10/05/2070;

Công ty con gián tiếp- Công ty Cổ phần môi trường Thành Đạt Bắc Giang ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang ( nay là Xã Kiên Lao, tỉnh Bắc Ninh) với diện tích 33.949,9 m<sup>2</sup> đến ngày 10/07/2069.

**c) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.277,98	3.480,63

**d) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
	65.193.021.617	65.193.021.617

**25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.830.601.037.314	1.730.267.872.630
Doanh thu cung cấp dịch vụ	70.056.153.331	71.909.343.899
Doanh thu hợp đồng xây dựng	(8.712.148)	543.780.000
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	104.088.945.187
	<b>1.900.648.478.497</b>	<b>1.906.809.941.716</b>

**26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2025	Năm 2024 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa/ thành phẩm đã bán	1.741.810.232.912	1.658.966.913.139
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	54.839.572.050	61.324.363.255
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-	570.000.000
Chi phí chuyển nhượng bất động sản	-	98.764.372.916
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(254.860.349)	166.936.500
	<b>1.796.394.944.613</b>	<b>1.819.792.585.810</b>

**27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	20.754.436.830	10.689.873.968
Lãi bán các khoản đầu tư	-	18.048.721.644
Cổ tức, lợi nhuận được chia	53.949.000.000	49.150.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	72.407	480.049.002
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.283.868	943.515.475
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.420.000.000	-
	<b>78.124.793.105</b>	<b>79.312.160.089</b>
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)	<b>53.015.983</b>	<b>3.345.632.371</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	18.719.278.927	17.547.615.600
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.015.592.412	33.918.782
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	94.811	-
Chi phí tài chính khác	-	23.364
	<b>19.734.966.150</b>	<b>17.581.557.746</b>
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)	<b>969.133.560</b>	<b>1.062.584.712</b>

**29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	401.707.612	695.428.462
Chi phí nhân công	14.628.581.897	14.000.403.677
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.969.441.291	1.657.907.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.401.256.199	29.086.197.677
Chi phí khác bằng tiền	35.100.913.760	22.795.656.089
	<b>90.501.900.759</b>	<b>68.235.593.485</b>

**30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025	Năm 2024 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.501.209.256	1.560.481.714
Chi phí nhân công	27.618.441.707	24.424.229.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.115.813.452	1.077.424.506
Thuế, phí, lệ phí	1.099.571.390	1.734.136.526
Hoàn nhập dự phòng	(1.481.017.736)	(2.775.112.900)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.922.532.884	4.806.765.066
Chi phí khác bằng tiền	7.377.886.133	6.622.654.907
	<b>42.154.437.086</b>	<b>37.450.579.595</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**31 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tiền phạt thu được	151.309.424	18.101.554.490
Thu nhập từ tiền hỗ trợ bán ô tô	11.650.503.946	12.385.490.933
Thu nhập khác	75.170.422	143.946.286
	<b>11.876.983.792</b>	<b>30.630.991.709</b>

**32 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	79.623.396	-
Chi phí tài trợ Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Lạng Sơn	1.818.181.818	8.000.000.000
Các khoản bị phạt	980.693.492	3.547.164.952
Tiền lãi chậm trả	1.259.133.399	1.556.612.566
Chi phí khác	3.998.092.805	48.630.834
	<b>8.135.724.910</b>	<b>13.152.408.352</b>

**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025	Năm 2024 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	2.675.601.149
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	-	1.124.130.993
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt	65.242.981	454.281.085
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Machino An Phú	3.212.161	56.152.092
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH Machino Phú Xuân	38.265.382	266.960.547
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>106.720.524</b>	<b>4.577.125.866</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	34.339.974.593	52.746.191.371
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	34.339.974.593	52.746.191.371
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	38.638.600	38.638.600
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>889</b>	<b>1.365</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động thương mại, chiếm hơn 90% doanh thu hoạt động của Công ty. Vì vậy, Công ty không thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, do đã thuyết minh các yếu tố của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Thuyết minh số 29 và Thuyết minh số 30.

**36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>				
Tiền	199.879.254.163	-	-	199.879.254.163
Phải thu khách hàng, phải thu khác	362.671.993.560	1.600.000.000	-	364.271.993.560
Các khoản cho vay	168.670.784.870	-	-	168.670.784.870
	<b>731.222.032.593</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>732.822.032.593</b>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>				
Tiền	19.858.599.217	-	-	19.858.599.217
Phải thu khách hàng, phải thu khác	438.954.001.616	37.600.000.000	-	476.554.001.616
Các khoản cho vay	333.565.514.862	-	-	333.565.514.862
	<b>792.378.115.695</b>	<b>37.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>829.978.115.695</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>				
Vay và nợ	329.081.222.901	7.455.912.973	-	336.537.135.874
Phải trả người bán, phải trả khác	126.269.184.660	13.261.547.264	-	139.530.731.924
Chi phí phải trả	8.399.752.777	-	-	8.399.752.777
	<b>463.750.160.338</b>	<b>20.717.460.237</b>	<b>-</b>	<b>484.467.620.575</b>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>				
Vay và nợ	326.265.506.094	11.503.897.973	-	337.769.404.067
Phải trả người bán, phải trả khác	68.872.437.211	25.261.547.264	-	94.133.984.475
Chi phí phải trả	2.141.771.229	-	-	2.141.771.229
	<b>397.279.714.534</b>	<b>36.765.445.237</b>	<b>-</b>	<b>434.045.159.771</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo các Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 12/01/2026 và 30/01/2026 về việc mua thêm cổ phần tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt và góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đông Kinh. Theo đó:

- Đối với Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt: Số cổ phần mua thêm 4.305.000 cổ phần tương ứng 10.000 đồng/cổ phần nâng tỷ lệ nắm giữ của Công ty tại Công ty con này lên 94.05%;

- Đối với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đông Kinh góp vốn bổ sung thêm 25.000.000.000 đồng nâng tổng giá trị đầu tư vào Công ty này lên 50.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**38 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh BĐS Đông Kinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Hasky Hưng Yên	Công ty liên kết đến ngày 06/12/2024
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nhà ở Nguyễn Xá	Công ty liên kết đến ngày 10/09/2024
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT - Ông Vũ Đức Tiến đến ngày 23/04/2024
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (Chi nhánh Hàn Thuyên)	Ông Đặng Văn Thân - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng, đồng thời là chủ tịch HĐQT của Công ty
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh-Thành viên HĐQT Công ty đồng thời là phó Giám đốc khối ngân hàng doanh nghiệp của ngân hàng này
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội	Ông Phạm Văn Hiệp thành viên HĐQT, giám đốc Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty này
Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát	Điều hành Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>969.133.560</b>	<b>1.062.584.712</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	969.133.560	1.062.584.712
<b>Lãi tiền gửi, cho vay</b>	<b>53.015.983</b>	<b>3.345.632.371</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hasky Hưng Yên	-	3.340.027.397
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nhà ở Nguyễn Xá	-	5.589.042
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh BĐS Đông Kinh	52.980.822	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	35.161	15.932

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>7.446.809</b>	<b>10.798.633</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, chi nhánh Hàn Thuyên	7.446.809	10.798.633

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị</b>	<b>2.183.000.000</b>	<b>1.447.473.684</b>
Đặng Văn Thân - Chủ tịch HĐQT	462.000.000	187.473.684
Nguyễn Minh Tuấn - Ủy viên HĐQT	872.000.000	728.000.000
Vương Hoàng Thăng - Ủy viên HĐQT	442.000.000	281.000.000
Tổng Thị Diệp - Ủy viên HĐQT	223.428.571	251.000.000
Nguyễn Thị Hoài Thanh - Ủy viên HĐQT	183.571.429	
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý khác</b>	<b>5.102.619.095</b>	<b>3.712.878.947</b>
Phạm Văn Hiệp - Tổng Giám đốc	1.795.000.000	1.587.000.000
Chu Thành Nam - Phó Tổng Giám đốc	835.881.000	698.000.000
Phạm Thị Mỹ Hường - Phó Tổng giám đốc	840.000.000	634.000.000
Lương Văn Hòa - Phó Tổng Giám đốc	840.500.000	135.878.947
Hoàng Minh Đức - Kế toán trưởng	791.238.095	658.000.000
<b>Thu nhập của Ban kiểm soát</b>	<b>743.970.000</b>	<b>571.000.000</b>
Lê Thị Kiều Vân - Trưởng Ban Kiểm soát	374.970.000	261.000.000
Phạm Thị Hải An - Thành viên Ban Kiểm soát	109.619.048	155.000.000
Hà Thị Thanh Hậu - Thành viên Ban Kiểm soát	182.000.000	155.000.000
Nguyễn Lệ Thuý - Thành viên Ban Kiểm soát	77.380.952	

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**39 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 căn cứ Quyết định số 812/QĐ-CTHN-TTKT5-XPVPHC của cục thuế thành phố Hà Nội, về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, truy thu số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp giai đoạn 2022-2024 tại Công ty con- Công ty Cổ phần Machino Thành Đạt và thông báo điều chỉnh đơn giá thuê đất của Công ty Phát triển và Khai thác Hạ tầng KCN Đà Nẵng tại Công ty con - Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 được điều chỉnh cụ thể như sau:


	<b>Mã số</b>	<b>Số liệu trên BCTC hợp nhất năm trước VND</b>	<b>Số liệu điều chỉnh lại VND</b>	<b>Chênh lệch VND</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>a) Bảng Cân đối kế toán hợp nhất</b>					
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	630.990.957	614.154.597	(16.836.360)	(1)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17.247.336.478	17.885.056.210	637.719.732	(1)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17.790.846.528	18.165.875.745	375.029.217	(1)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	147.393.604.792	146.874.730.711	(518.874.081)	(1)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	136.065.965.699	135.555.254.471	(510.711.228)	(1)
<b>b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>					
Giá vốn hàng bán	11	1.819.580.012.566	1.819.792.585.810	212.573.244	(1)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37.433.645.583	37.450.579.595	16.934.012	(1)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	60.769.875.782	60.540.368.526	(229.507.256)	(1)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	4.370.754.825	4.577.125.866	206.371.041	(1)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	56.399.120.957	55.963.242.660	(435.878.297)	(1)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	52.966.417.827	52.746.191.371	(220.226.456)	(1)
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62	3.432.703.130	3.217.051.289	(215.651.841)	(1)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.371	1.365	(6)	




**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Số 08 Trảng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,  
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên BCTC hợp nhất năm trước</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND	<u>Ghi chú</u>
<b>c) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>					
Lợi nhuận trước thuế	01	60.769.875.782	60.540.368.526	(229.507.256)	(1)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(141.709.354.619)	(141.479.847.363)	229.507.256	(1)

(1) Điều chỉnh theo quyết định của Thanh tra thuế tại Công ty con - Cổ phần Machino Thành Đạt và Điều chỉnh đơn giá thuê đất của Công ty Phát triển và Khai thác Hạ tầng KCN Đà Nẵng tại Công ty con - Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng.

  
 Lê Thị Thu Hiền  
 Người lập

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

  
 Hoàng Minh Đức  
 Kế toán trưởng

  
 Phạm Văn Hiệp  
 Tổng Giám đốc


Số: **00 3 9** /MTB-HĐQT

Hà nội, ngày **30** tháng **5** năm 2026

**TỜ TRÌNH**

Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng năm 2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000
II	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025	153.302.548.542
III	Trích lập các quỹ	4.500.000.000
1	Quỹ khen thưởng	500.000.000
2	Quỹ phúc lợi	2.500.000.000
3	Quỹ thưởng Ban điều hành	1.500.000.000
IV	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại sau khi trích lập các quỹ và chi trả cổ tức (II - III)	148.802.548.542

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



**Đặng Văn Thân**

Số: **00 4 0**/MTB-HĐQT

Hà nội, ngày **30** tháng **5** năm 2026

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Quyết toán thù lao, phụ cấp của HĐQT, BKS năm 2025  
và kế hoạch chi trả thù lao, phụ cấp của HĐQT, BKS năm 2026**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ cơ cấu Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) phê chuẩn;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch kinh doanh năm 2026 và yêu cầu về công tác quản trị, giám sát trong năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty trình ĐHĐCĐ thông qua quyết toán thù lao, phụ cấp của HĐQT, BKS năm 2025 và phương án chi trả năm 2026 như sau:

**1. Quyết toán thù lao, phụ cấp năm 2025**

Cơ cấu HĐQT và BKS gồm: 05 (năm) thành viên HĐQT và 03 (ba) thành viên BKS, 01 (một) Thư ký HĐQT.

Kế hoạch chi thù lao, phụ cấp cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2025 theo Nghị quyết số 0036/NQ/MTB-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2025 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 là 2.100 triệu đồng.

- Thù lao, phụ cấp chi trả cho thành viên HĐQT và Thư ký HĐQT là 1.588 triệu đồng.

- Thù lao, phụ cấp chi trả cho thành viên BKS là 455 triệu đồng.

Tổng thù lao, phụ cấp đã thực hiện chi trả cho thành viên HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT Công ty trong năm 2025 là 2.043 triệu đồng.

Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao, phụ cấp chi trả cho thành viên HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT Công ty năm 2025 là 2.043 triệu đồng.



## 2. Kế hoạch chi trả thù lao, phụ cấp năm 2026

Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2026, tình hình hoạt động của Công ty và mức chi thù lao hiện hành đang áp dụng, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch chi trả thù lao, phụ cấp của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026 là 2.400 triệu đồng. Mức phân bổ, chi trả cụ thể cho từng thành viên sẽ giao cho Chủ tịch HĐQT Công ty quyết định.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Thân**

Số: **409** /MTB - BKS

Hà Nội, ngày **30** tháng 5 năm 2026

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí.

Để thực hiện Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xin đề xuất với Đại hội đồng cổ đông Phương án lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm 2026 như sau:

1. Đơn vị kiểm toán độc lập được Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí lựa chọn phải nằm trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Cơ quan Quản lý nhà nước liên quan chấp thuận;

2. Là đơn vị Kiểm toán có uy tín, có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí yêu cầu.

Với các tiêu chí trên, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí như sau:

1. Thông qua việc lựa chọn một trong ba Công ty Kiểm toán độc lập được thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2026 bao gồm:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE);
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn một trong ba Công ty nêu trên để kiểm toán Báo cáo tài chính, bãi miễn Kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát Công ty để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Lê Thị Kiều Vân**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số: **00 4 1**MTB - HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **30** tháng **5** năm 2026

## **TỜ TRÌNH**

**V/v: Sửa đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh  
và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí; Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 138961/24 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04/05/2024 cho Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí; Nghị quyết số 0035/NQ/MTB-HĐQT ngày 27/05/2026 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

Để đảm bảo ngành nghề kinh doanh của Công ty tuân thủ và phản ánh đầy đủ các hoạt động kinh tế theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam; đồng thời địa chỉ trụ sở chính của Công ty thống nhất với việc tổ chức, sắp xếp các cơ quan Nhà nước theo mô hình chính quyền 2 cấp; Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

*(Chi tiết nội dung theo bảng đính kèm).*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**Nơi nhân:**

- Như trên;
- Lưu: HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Thân**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

BẢNG CHI TIẾT NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TÊN NGÀNH, MÃ NGÀNH ĐĂNG KÝ KINH DOANH  
VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

(Kèm theo Tờ trình số: 0041 /MTB - HĐQT ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng Quản trị Công ty)

1. Sửa đổi, bổ sung tên ngành, mã ngành đăng ký kinh doanh tại Khoản 1, Điều 4, Điều lệ Công ty như sau:

STT	Tên ngành (sửa đổi, bổ sung theo QĐ số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025)	Mã ngành (theo QĐ số 36/2025)
1	Khai thác và thu gom than cứng	0510
2	Khai thác và thu gom than non	0520
3	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chỉ tiết: Giết mổ gia súc, gia cầm; chế biến và bảo quản thịt; chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt	1010
4	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chỉ tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; chế biến và bảo quản thủy sản khô; chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản khác	1020
5	Cưa xẻ, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
6	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
7	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

8	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
9	Sản xuất sản phẩm từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
10	In ấn Chi tiết: In ấn và các dịch vụ liên quan đến in (Trừ các loại nhà nước cấm)	1812
11	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
12	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít;	2022
13	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
14	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
15	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
16	Đúc kim loại màu	2432
17	Sản xuất cấu kiện kim loại	2511
18	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
19	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
20	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
21	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
22	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
23	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi gồm có các ngành nghề sau: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599



24	Sản xuất linh kiện điện tử khác	2619
25	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính	2620
26	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
27	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
28	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
29	Sản xuất đồng hồ	2652
30	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
31	Sản xuất pin và ắc quy	2720
32	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
33	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
34	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
35	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
36	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
37	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
38	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
39	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
40	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
41	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
42	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
43	Sản xuất máy móc, thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817

44	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
45	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
46	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
47	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
48	Sản xuất máy móc, thiết bị cho ngành luyện kim	2823
49	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
50	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
51	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
52	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu	2829
53	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
54	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học	3313
55	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
56	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
57	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
58	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo Chi tiết: Nhiệt điện than; nhiệt điện khí; sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo khác	3511
59	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Truyền tải điện; phân phối điện	3513

60	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
61	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
62	Thu gom rác thải không độc hại	3811
63	Thu gom rác thải độc hại	3812
64	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
65	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
66	Tái chế phế liệu	3830
67	Xây dựng nhà để ở	4101
68	Xây dựng nhà không để ở	4102
69	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
70	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
71	Phá dỡ	4311
72	Chuẩn bị mặt bằng	4312
73	Lắp đặt hệ thống điện	4321
74	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí	4322
75	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
76	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
77	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; môi giới mua bán hàng hóa; đấu giá hàng hóa	4610



78	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống  Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
79	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
	Bán buôn thực phẩm	
80	Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê	4632
	Bán buôn đồ uống	
81	Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
82	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình  Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; bán buôn đồ điện gia dụng; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đầu	4649
83	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
84	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
85	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	
86	Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch	4659

	điện); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi); bán buôn máy móc, thiết bị y tế; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	
87	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác	4671
88	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; bán buôn sắt, thép; bán buôn kim loại khác	4672
89	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn sơn, véc ni; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
90	Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn cao su; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; án buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4679
91	Bán lẻ lương thực	4721
92	Bán lẻ thực phẩm Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm khác	4722
93	Bán lẻ đồ uống Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm khác	4723
94	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni;	4752

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ kính xây dựng;</li> <li>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác;</li> <li>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh</li> </ul>	
95	<p>Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc; bán lẻ giày, dép; bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác</p>	4771
96	<p>Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ)</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ xe đạp và phụ tùng; Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đầu</p>	4773
97	<p>Vận tải hàng hoá bằng đường bộ</p> <p>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác</p>	4933
98	<p>Vận tải hành khách ven biển và viễn dương</p> <p>Chi tiết: Vận tải hành khách ven biển</p>	5011
99	<p>Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương</p> <p>Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển</p>	5012
100	<p>Vận tải hành khách đường thủy nội địa</p> <p>Chi tiết: Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới</p>	5021
101	<p>Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa</p> <p>Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới</p>	5022
102	<p>Kho bãi và lưu trữ hàng hoá</p> <p>Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác</p>	5210



103	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường thủy nội địa	5222
104	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa loại khác	5224
105	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
106	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác Chi tiết: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5520
107	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
108	Hoạt động công tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác Chi tiết: Dịch vụ thông tin khác	6390
109	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản khác	6810
110	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản	6821
111	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: Hoạt động tư vấn và quản lý nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Hoạt động tư vấn và quản lý nhà và quyền sử dụng đất không để ở	6829
112	Giữ nguyên	7120
113	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu	7499
114	Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm	7810

115	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu	8299.
116	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu	8559
117	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác	8569
118	Sửa chữa, bảo dưỡng máy vi tính, thiết bị thông tin và truyền thông	9510
119	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

## 2. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

### 2.1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 2 Điều lệ Công ty như sau:

“3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8 phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- .....

”  
- .....

### 2.2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 4 Điều lệ Công ty:

Sửa đổi, bổ sung các ngành nghề kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua và được chấp nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung.

-----

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

**BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TÊN NGÀNH, MÃ NGÀNH ĐĂNG KÝ KINH DOANH  
VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

**1. Sửa đổi, bổ sung tên ngành, mã ngành đăng ký kinh doanh tại Khoản 1, Điều 4, Điều lệ Công ty như sau:**

STT	Tên ngành theo QĐ số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018	Mã ngành theo QĐ số 27/2018	STT mới	Tên ngành sửa đổi, bổ sung theo QĐ số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025	Mã ngành theo QĐ số 36/2025
1	Khai thác và thu gom than cứng	0510	1	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	0510
2	Khai thác và thu gom than non	0520	2	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	0520
3	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Giết mổ gia súc, gia cầm; chế biến và bảo quản thịt; chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt	1010	3	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	1010
4	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; chế biến và bảo quản thủy sản khô; chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản khác	1020	4	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	1020
5	Cưa xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610	5	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	1610
6	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621	6	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	1621
7	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622	7	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	1622



8	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623	8	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	1623
9	Sản xuất sản phẩm từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa rom, rạ và vật liệu tết bền	1629	9	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	1629
10	In ấn Chi tiết: In ấn và các dịch vụ liên quan đến in (Trừ các loại nhà nước cấm)	1811	10	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	1812
11	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012	11	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2012
12	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít;	2022	12	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2022
13	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220	13	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2220
14	Sản xuất sắt, thép, gang	2410	14	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2410
15	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420	15	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2420
16	Đúc kim loại màu	2432	16	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2432
17	Sản xuất cấu kiện kim loại	2511	17	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2511
18	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512	18	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2512
19	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513	19	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2513
20	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591	20	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2591
21	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592	21	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2592
22	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593	22	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2593
23	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599	23	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2599

	Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn				
24	Sản xuất linh kiện điện tử	2610	24	Sản xuất linh kiện điện tử khác	2619
25	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính	2620	25	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2620
26	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630	26	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2630
27	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640	27	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2640
28	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651	28	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2651
29	Sản xuất đồng hồ	2652	29	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2652
30	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710	30	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2710
31	Sản xuất pin và ắc quy	2720	31	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2720
32	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731	32	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2731
33	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732	33	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2732
34	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733	34	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2733
35	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740	35	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2740
36	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750	36	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2750
37	Sản xuất thiết bị điện khác	2790	37	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2790
38	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811	38	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2811
39	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813	39	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2813

40	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814	40	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2814
41	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815	41	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2815
42	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816	42	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2816
43	Sản xuất máy móc, thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817	43	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2817
44	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818	44	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2818
45	Sản xuất máy thông dụng khác	2819	45	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2819
46	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821	46	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2821
47	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822	47	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2822
48	Sản xuất máy luyện kim	2823	48	Sản xuất máy móc, thiết bị cho ngành luyện kim	2823
49	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824	49	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2824
50	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825	50	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2825
51	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826	51	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2826
52	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đầu	2829	52	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	2829
53	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312	53	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
54	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313	54	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học	3313
55	Sửa chữa thiết bị điện	3314	55	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314



56	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải	3315	56	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
57	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320	57	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	3320
58	Sản xuất điện: Chi tiết: Thủy điện, nhiệt điện than; nhiệt điện khí; điện gió; điện mặt trời; điện khác (điện rác).	3511	58	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo Chi tiết: Nhiệt điện than; nhiệt điện khí; sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo khác	3511
59	Truyền tải và phân phối điện trừ truyền tải và điều độ điện hệ thống điện quốc gia	3512	59	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Truyền tải điện; phân phối điện	3513
60	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600	60	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	3600
61	Thoát nước và xử lý nước thải	3700	61	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	3700
62	Thu gom rác thải không độc hại	3811	62	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	3811
63	Thu gom rác thải độc hại	3812	63	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	3812
64	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821	64	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	3821
65	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822	65	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	3822
66	Tái chế phế liệu	3830	66	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	3830
67	Xây dựng nhà để ở	4101	67	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	4101
68	Xây dựng nhà không để ở	4102	68	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	4102
69	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293	69	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	4293
70	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	70	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	4299

71	Phả đồ	4311	71	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	4311
72	Chuẩn bị mặt bằng	4312	72	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	4312
73	Lắp đặt hệ thống điện	4321	73	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	4321
74	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí	4322	74	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	4322
	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng; lắp đặt, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống phòng cháy chữa cháy				
75	- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 220 kv, các công trình nguồn điện; - Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 110 kv, các công trình nguồn điện; - Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 35 kv, các công trình nguồn điện;	4329	75	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
76	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	76	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	4330
77	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511		Bỏ, QĐ số 36/2025 không còn	
78	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512		Bỏ, QĐ số 36/2025 không còn	
79	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513		Bỏ, QĐ số 36/2025 không còn	
80	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520		Bỏ, QĐ số 36/2025 không còn	
81	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và	4530		Bỏ, QĐ số 36/2025 không còn	

	xe có động cơ khác					
82	Bán mô tô, xe máy	4541			Bỏ, QĐ số 36/2025 không còn	
83	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542			Bỏ, QĐ số 36/2025 không còn	
84	Bán phụ tùng và các bộ phận trợ phụ của mô tô, xe máy	4543			Bỏ, QĐ số 36/2025 không còn	
85	Đại lý; môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý và Môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);	4610	77		Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; môi giới mua bán hàng hóa; đầu giá hàng hóa	4610
86	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông sản nguyên liệu; bán buôn cây giống	4620	78		Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
87	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631	79		Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
88	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê	4632	80		Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	4632
89	Bán buôn đồ uống	4633	81		Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	4633



	Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn Bán buôn đồ uống không có cồn				
90	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn xe máy điện, xe đạp điện, bán buôn pin và ác quy cho xe đạp điện; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn các đồ dùng khác cho gia đình.	4649	82	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; bán buôn đồ điện gia dụng; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
91	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651	83	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	4651
92	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652	84	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	4652
93	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653	85	Giữ nguyên theo QĐ số 27/2018	4653
94	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn phương tiện vận tải; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659	86	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi); bán buôn máy móc, thiết bị y tế; bán buôn máy móc,	4659

	Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng.			thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	
95	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác	4661	87	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác	4671
96	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt thép; Bán buôn kim loại và quặng kim loại.	4662	88	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; bán buôn sắt, thép; bán buôn kim loại khác	4672
97	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Bán buôn sơn, véc ni	4663	89	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn sơn, véc ni; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
98	Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn thiết bị phòng cháy, chữa cháy, phân bón, thuốc trừ sâu; sản phẩm nông hóa; Bán buôn cao su; Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm);	4669	90	Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn cao su; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; ăn buôn chuyên	4679

	Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (trừ các loại Nhà nước cấm)			doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu	
99	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721	91	Bán lẻ lương thực	4721
100	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4722	92	Bán lẻ thực phẩm Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm khác	4722
101	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4723	93	Bán lẻ đồ uống Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm khác	4723
102	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752	94	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni; - Bán lẻ kính xây dựng; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh	4752



	- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh				
103	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771	95	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc; bán lẻ giày, dép; bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác	4771
104	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thiết bị phòng cháy, chữa cháy - Bán lẻ thùng đựng rác - Bán lẻ nông sản nguyên liệu - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ cây giống - Bán lẻ phân bón, sản phẩm nông hóa. - Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4773	96	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: Bán lẻ xe đạp và phụ tùng; Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu	4773
105	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933	97	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác	4933
106	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011	98	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011

				Chi tiết: Vận tải hành khách ven biển	
107	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012	99	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển	5012
108	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021	100	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới	5021
109	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022	101	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới	5022
110	Kho bãi và lưu trữ hàng hoá Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan	5210	102	Kho bãi và lưu trữ hàng hoá Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác	5210
111	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222	103	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường thủy nội địa	5222
112	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ bốc xếp hàng hóa	5224	104	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa loại khác	5224
113	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229	105	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229

	- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.				
114	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510	106	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác Chi tiết: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5520
115	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610	107	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
116	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399	108	Hoạt động công tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác Chi tiết: Dịch vụ thông tin khác	6390
117	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810	109	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản khác	6810
118	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản.	6820	110	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản	6821



	(không bao gồm hoạt động đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất)				
			111	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: Hoạt động tư vấn và quản lý nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Hoạt động tư vấn và quản lý nhà và quyền sử dụng đất không để ở	6829
119	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120	112	Giữ nguyên	7120
120	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu Bao gồm các dịch vụ quan trắc khí thải, nước thải... tại các nhà máy	7490	113	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đầu	7499
121	Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (Không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài)	7810	114	Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm	7810
122	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Hoạt động xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299	115	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu	8299

123	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559	116	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
124	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560	117	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác	8569
125	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511	118	Sửa chữa, bảo dưỡng máy vi tính, thiết bị thông tin và truyền thông	9510
126	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522	119	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

## 2. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi
1	<b>Khoản 3, Điều 2</b>	<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <p>- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8 phố Trảng Thi, Phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam</p> <p>- .....</p> <p>- .....”</p>	<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <p>- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8 phố Trảng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam</p> <p>- .....</p> <p>- .....”</p>
2	<b>Khoản 1, Điều 4</b>	Sửa đổi, bổ sung các ngành nghề kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua và được chấp nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung.	

## **TỜ TRÌNH**

### **Về việc niêm yết cổ phiếu PVM trên Sở giao dịch chứng khoán**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị áp dụng với Công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí, với mã là PVM trên Sở giao dịch chứng khoán, như sau:

- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 38.638.600 cổ phiếu
- Địa điểm niêm yết: Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE)

Cùng với đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các nội dung công việc sau:

- Triển khai các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện việc niêm yết cổ phiếu của Công ty;
- Các nội dung công việc khác để đảm bảo thực hiện thành công việc niêm yết cổ phiếu của Công ty.



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Thân**

Số: /NQ/MTB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2026

Dự thảo

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí ngày 22/6/2026,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí thông qua các nội dung sau:

**1. Báo cáo của Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên 2026.**

**2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2025	TH 2025	
				Giá trị	% so KH
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	2.049,29	1.990,65	97%
	Trong đó Công ty Mẹ	Nt	1.255,89	1.225,47	98%
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	41,39	33,73	81%
	Trong đó Công ty Mẹ	Nt	35,80	37,10	104%
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	40,30	33,62	83%
	Trong đó Công ty Mẹ	Nt	35,80	37,10	104%

**3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.**

TT	Nội dung	Đơn vị	KH 2026
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.381,94
	Trong đó Công ty mẹ	Nt	1.224,7
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	64,97
	Trong đó Công ty mẹ	Nt	40,26

TT	Nội dung	Đơn vị	KH 2026
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	60,23
	Trong đó Công ty mẹ	Nt	40,26

**4. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên 2026.**

**5. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.**

- Báo cáo tài chính của Công ty mẹ năm 2025.
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025.

**6. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.**

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000
II	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025	153.302.548.542
III	Trích lập các quỹ	4.500.000.000
1	Quỹ khen thưởng	500.000.000
2	Quỹ phúc lợi	2.500.000.000
3	Quỹ thưởng Ban điều hành	1.500.000.000
IV	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại sau khi trích lập các quỹ và chi trả cổ tức (II - III)	148.802.548.542

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định lựa chọn thời gian và địa điểm trả cổ tức phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty và lợi ích của cổ đông.

**7. Quyết toán thù lao, phụ cấp của HĐQT, BKS năm 2025 và phương án chi trả thù lao, phụ cấp của HĐQT, BKS năm 2026.**

**7.1. Quyết toán thù lao, phụ cấp của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025:**

- Thù lao, phụ cấp chi trả cho thành viên HĐQT và Thư ký HĐQT là 1.588 triệu đồng.
- Thù lao, phụ cấp chi trả cho thành viên BKS là 455 triệu đồng.

Tổng thù lao, phụ cấp đã thực hiện chi trả cho thành viên HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT Công ty trong năm 2025 là 2.043 triệu đồng.

**7.2. Kế hoạch chi thù lao, phụ cấp cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2026 là 2.400 triệu đồng.**

Mức phân bổ cụ thể cho từng thành viên sẽ giao cho Chủ tịch HĐQT quyết định.

**8. Danh sách đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.**

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;



- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty:

- Lựa chọn Đơn vị kiểm toán trong danh sách nêu trên đáp ứng yêu cầu.
- Bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính.

**9. Sửa đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.**

*(Chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung đính kèm).*

#### **10. Niêm yết cổ phiếu PVM trên Sở giao dịch chứng khoán**

Thông qua kế hoạch niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí, với mã là PVM trên Sở giao dịch chứng khoán như sau:

- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 38.638.600 cổ phiếu
- Địa điểm niêm yết: Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE)

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các nội dung công việc sau:

- Triển khai các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện việc niêm yết cổ phiếu của Công ty;
- Các nội dung công việc khác để đảm bảo thực hiện thành công việc niêm yết cổ phiếu của Công ty.

**Điều 2.** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí giao cho Hội đồng quản trị công ty, Ban kiểm soát, Ban điều hành căn cứ vào các nội dung trên triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty căn cứ Nghị quyết thực hiện.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Nơi nhận:**

- Cổ đông PVMACHINO;
- TV HĐQT; BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, HĐQT.

**Đặng Văn Thân**